

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 15 /2023/ VFC.TB-QHCĐ  
V/v: Báo cáo thường niên Năm 2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

**I. Tổ chức Công bố thông tin:**

- CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM
- Địa chỉ trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: 028. 3822 8097
- Mã chứng khoán: VFG
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Dũng

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu

**II Nội dung công bố thông tin:**

**Báo cáo thường niên Năm 2022**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2023 tại đường dẫn [www.vfc.com.vn](http://www.vfc.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**TRẦN VĂN DŨNG  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ  
PHẦN KHỦ  
TRÙNG VIỆT  
NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỦ TRÙNG VIỆT NAM  
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=1,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG  
VIỆT NAM,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
0302327629  
Reason: I am approving this document  
Location: your signing location here  
Date: 2023.03.29 15:45:52+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM



2022



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



# MỤC LỤC

**I**

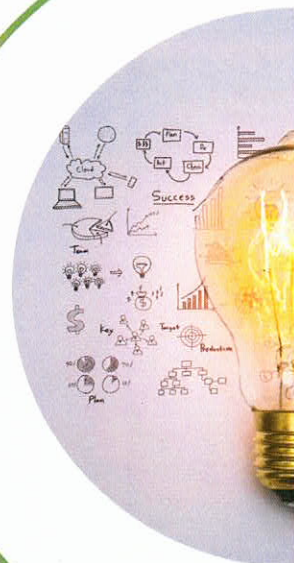
**THÔNG TIN CHUNG**

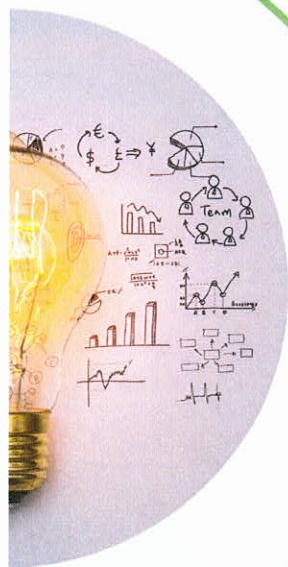
**II**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
SẢN XUẤT KINH DOANH**

**III**

**BÁO CÁO CỦA  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**





**IV**

**BÁO CÁO CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**V**

**BÁO CÁO  
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**VI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN 2022**



# LỄ KÝ KẾT ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

syngenta & VFC

VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

HCM ngày 15 tháng 12 năm 2022



syngenta



# 1

## THÔNG TIN CHUNG

|                                          |    |
|------------------------------------------|----|
| Thông tin khái quát                      | 06 |
| Quá trình hình thành và phát triển       | 08 |
| Các thành tích trong quá trình hoạt động | 10 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh         | 12 |
| Cơ cấu bộ máy quản lý                    | 16 |
| Định hướng phát triển                    | 20 |
| Các rủi ro                               | 30 |



## THÔNG TIN KHÁT QUÁT



### CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

**Tên Tiếng Anh**

VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY

**Mã cổ phiếu**

VFG

**Vốn điều lệ**

417.146.140.000 đồng

**Giấy chứng nhận ĐKDN**

Số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2001  
(đã đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 29/09/2022)





**Trụ sở chính**

29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1. Thành phố Hồ Chí Minh

**Điện thoại**

(84 - 028) 3822 8097

**Fax:**

(84 - 028) 3829 0457

**Email**

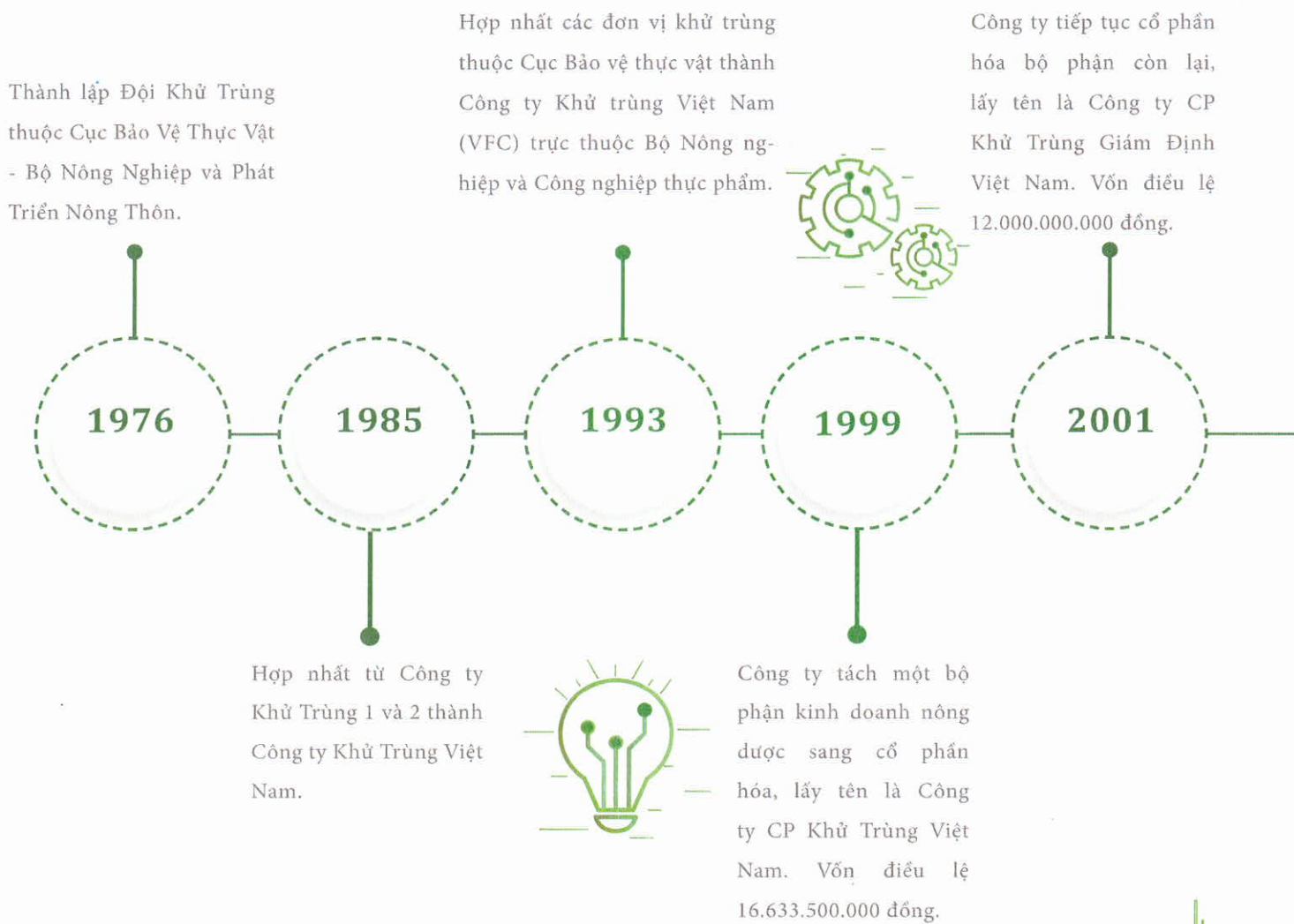
info@vfc.com.vn

**Website**

www.vfc.com.vn



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





08/2009: Công ty thực hiện đổi tên thành Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam.

12/2009: Niêm yết thành công cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán VFG, chính thức giao dịch từ ngày 17/12/2009.

Tổ chức, sáp nhập một số chi nhánh nhằm củng cố và nâng cao quản lý để ổn định kinh doanh & tiếp tục bổ sung đầu tư một số dây chuyền, thiết bị Nhà Máy Thuốc BVTV Long An, đầu tư sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc, thay thế và sửa chữa phương tiện vận chuyển các chi nhánh để phục vụ công tác bán hàng.

2007

2009

2012

2019

2022

Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đổi tác chiến lược của Công ty tăng vốn lên 40 tỷ đồng. Đồng thời, trong thời gian này, Công ty thực hiện sáp nhập với Công ty cổ phần Đầu tư Hồng Đức tăng vốn điều lệ lên 46 tỷ đồng và trở thành công ty đại chúng ngày 26/7/2007.

Thực hiện Dự án tái cấu trúc Công ty, khởi động tiến trình cải cách, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.

Công ty thực hiện Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Qua đó, nâng Vốn điều lệ lên thành 417.146.140.000 đồng.





## CÁC THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Với tuyên ngôn sứ mệnh: “Phát triển nền nông nghiệp và cải thiện môi trường sống, cung cấp các sản phẩm hỗ trợ giống cây trồng và dịch vụ kiểm soát dịch hại qua việc ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới” VFC đã và đang dẫn đầu Việt Nam về chất lượng và năng lực cạnh tranh. Trong nhiều năm qua, Công ty luôn liên tục đón nhận các Huân chương lao động hạng I - hạng II - hạng III, khẳng định thành tựu cùng giá trị VFC đóng góp trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.







## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

Trong những năm gần đây, Công ty tập trung sản xuất sản phẩm dịch vụ chính là:

#### Nông dược và giống cây trồng

VFC bắt đầu tham gia lĩnh vực kinh doanh Nông dược từ năm 1994, đến nay doanh số của VFC đã chiếm 7-8% doanh số thị trường nông dược Việt Nam.

Các sản phẩm chính của VFC bao gồm Giống cây trồng; thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ lúa và thuốc trừ bệnh, được nhập khẩu từ các công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hàng đầu thế giới, đảm bảo chất lượng, mang lại hiệu quả cao và rất được khách hàng tin nhiệm.

VFC tự hào là một trong những nhà phân phối hàng đầu tại Việt Nam cho các sản phẩm của Syngenta, Corteva, Bayer, Kumiai, FMC, Nihon Nohyaku, Sinon, KingElong, NuFarm ... và đang tiếp tục phát triển các sản phẩm mới.

Đối tượng khách hàng chính của VFC là những nông trại, nông dân ruộng lớn có trình độ kỹ thuật và có thu nhập ổn định, hứa hẹn triển vọng gắn bó dài lâu với các sản phẩm có chất lượng của VFC.

#### Dịch vụ khử trùng

VFC là Công ty đầu tiên cung cấp dịch vụ khử trùng tại Việt Nam, với thế mạnh về chất lượng và hơn 40 năm kinh nghiệm hoạt động, VFC luôn giữ vị thế số 1 trong ngành. VFC hiện chiếm thị phần khoảng 60% thị phần tùy từng mặt hàng.

Từ sau năm 1975 đến năm 2001, Công ty CP khử trùng VN được Chính phủ giao nhiệm vụ dự trữ quốc gia về thuốc khử trùng, được Bộ NN-PTNT chỉ định công tác diệt trừ dịch hại trên hàng hóa xuất nhập khẩu.

VFC cũng là đơn vị đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam áp dụng các phương pháp khử trùng tiên tiến nhất trên thế giới như Aluminium Phosphide (ALP), công nghệ khử trùng J-System của Degesch America, SIROFLO, SIROCIRC, VAPOR3PHOS, ECO2FUME dùng cho bảo quản hàng trong kho hoặc hệ thống silo.

Trên phương diện quốc tế, VFC là thành viên sáng lập Hiệp hội khử trùng quốc tế IMFO. Bên cạnh đó, VFC còn là điều phối viên Chương trình thay thế Methyl Bromide do Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc UNIDO tại Việt Nam.



### Dịch vụ kiểm soát dịch hại

Dịch vụ kiểm soát dịch hại (VFC – PestMaster) cũng là một thế mạnh của VFC. Thế mạnh này càng được khẳng định khi VFC trở thành thành viên chính thức của Tổ chức kiểm soát dịch hại đa quốc gia NPMA năm 1999.

“PestMan – Chuyên gia diệt côn trùng” tự hào là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát côn trùng lâu năm và uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay. Nhờ đội ngũ các chuyên viên - nhân viên giỏi chuyên môn cùng mạng lưới các chi nhánh rộng khắp trên toàn quốc, dịch vụ VFC – PestMaster có thể đáp ứng và hỗ trợ nhanh chóng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn.

VFC – PestMan chuyên cung cấp dịch vụ kiểm soát dịch hại cho các nhóm đối tượng sau:

- Cao ốc văn phòng, khách sạn, nhà hàng;
- Trung tâm thương mại, siêu thị;
- Nhà máy, khu chế xuất, khu công nghiệp;
- Công trình xây dựng, nhà ở;
- Phương tiện đường biển, hàng không, giàn khoan dầu khí.

### Lĩnh vực cho thuê văn phòng

Văn phòng trụ sở Tòa nhà VFC Tower có quy mô 9 tầng văn phòng, chuyên biệt 6 sàn cho thuê diện tích mỗi sàn 249 m2 và tầng hội trường, phòng họp chuyên dụng.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

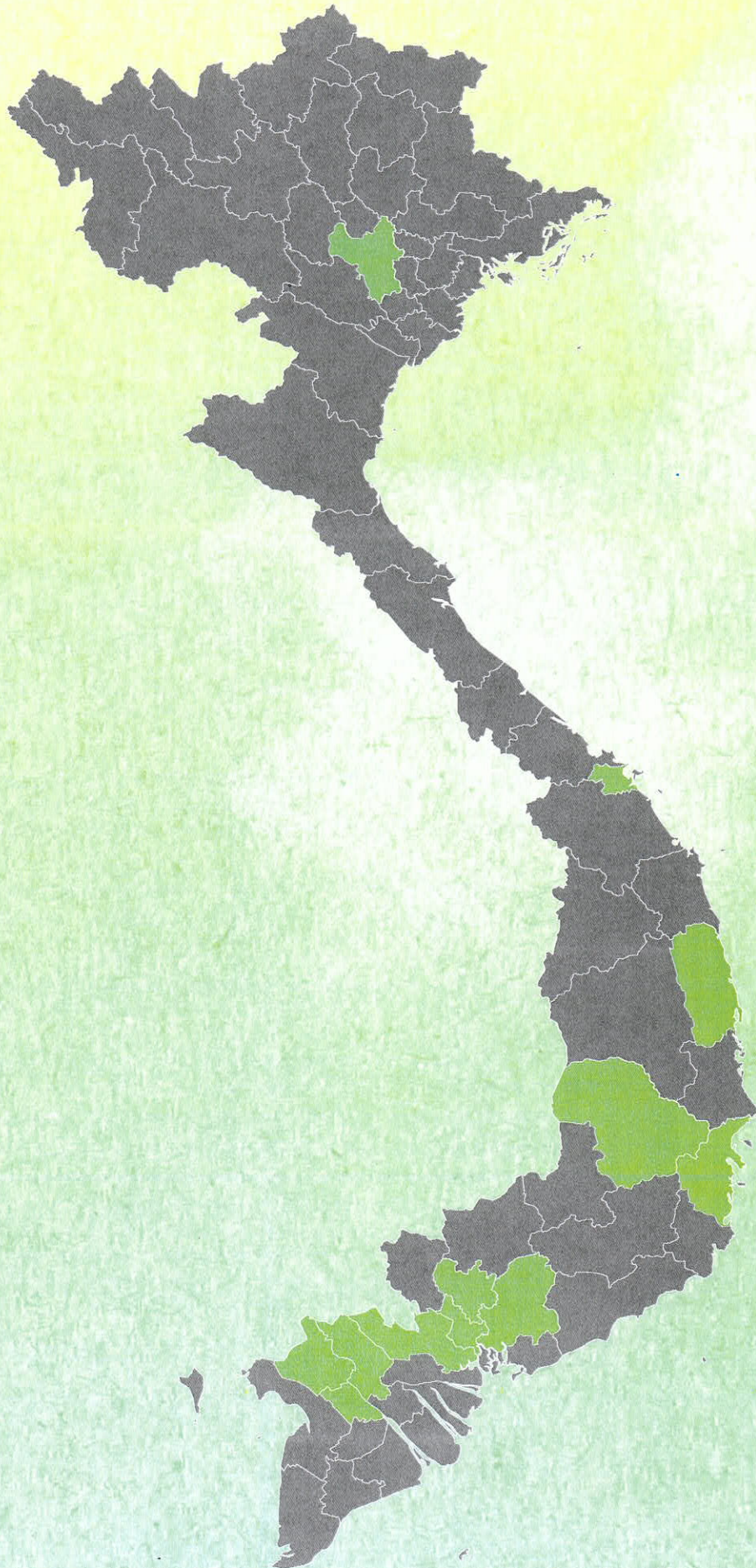
### Địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam trải dài từ bắc vào nam trên khắp Việt Nam với trụ sở chính ở Thành phố Hồ Chí Minh và 18 đơn vị trực thuộc. Chi tiết như sau:

- » Văn phòng trụ sở chính: Tòa nhà VFC, Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- » Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022:

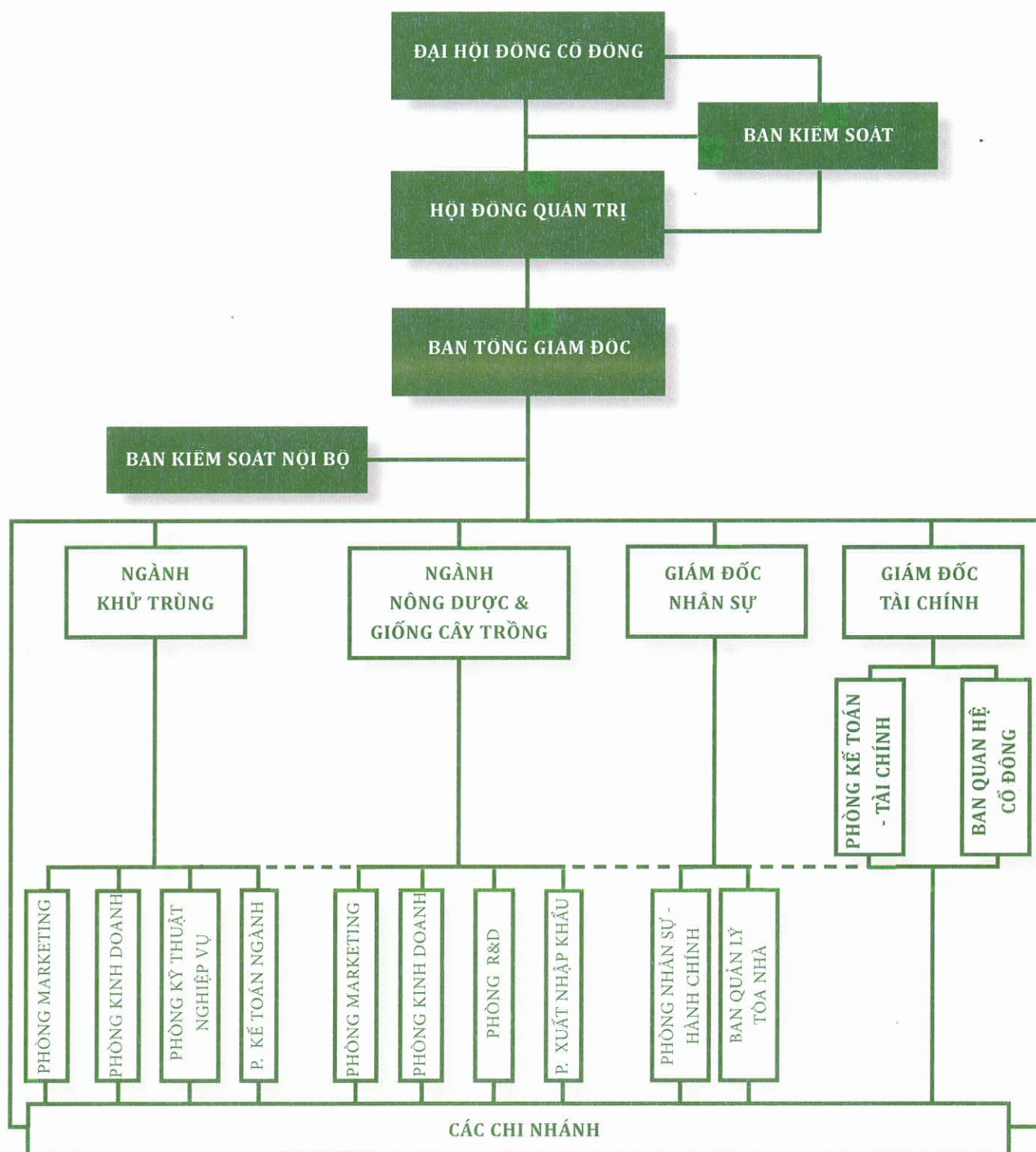
01. **Chi nhánh phía Bắc:** Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
02. **Điểm kinh doanh phía Bắc:** Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
03. **Chi nhánh Đà Nẵng:** Số 292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
04. **Điểm kinh doanh Trung Trung bộ:** Số 292, Đường 2/9 Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
05. **Chi nhánh Quy Nhơn:** Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
06. **Điểm kinh doanh Nam Trung bộ:** Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
07. **Chi nhánh Nha Trang:** Số 7, Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
08. **Điểm kinh doanh Đắk Lắk:** Số 170, Đường Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
09. **Điểm kinh doanh Đồng Nai:** Số 32 Quốc Lộ 1, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai.
10. **Văn phòng Bình Dương:** Số 5/2, Ấp 1B, Xã An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
11. **Chi nhánh Hồ Chí Minh:** Số 37, Đường Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
12. **Điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh tại TP.HCM (Kho Hóc Môn):** Số 49, Đường Nguyễn Ánh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
13. **Chi nhánh Đức Hòa Long An:** Lô B, Số 107, KCN Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
14. **Điểm kinh doanh Sông Tiền:** Số 154, Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
15. **Chi Nhánh Bắc Sông Hậu:** Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
16. **Điểm kinh doanh Bắc Sông Hậu:** Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
17. **Chi nhánh Nam Sông Hậu:** Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
18. **Điểm kinh doanh Nam Sông Hậu:** Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.







## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:

#### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

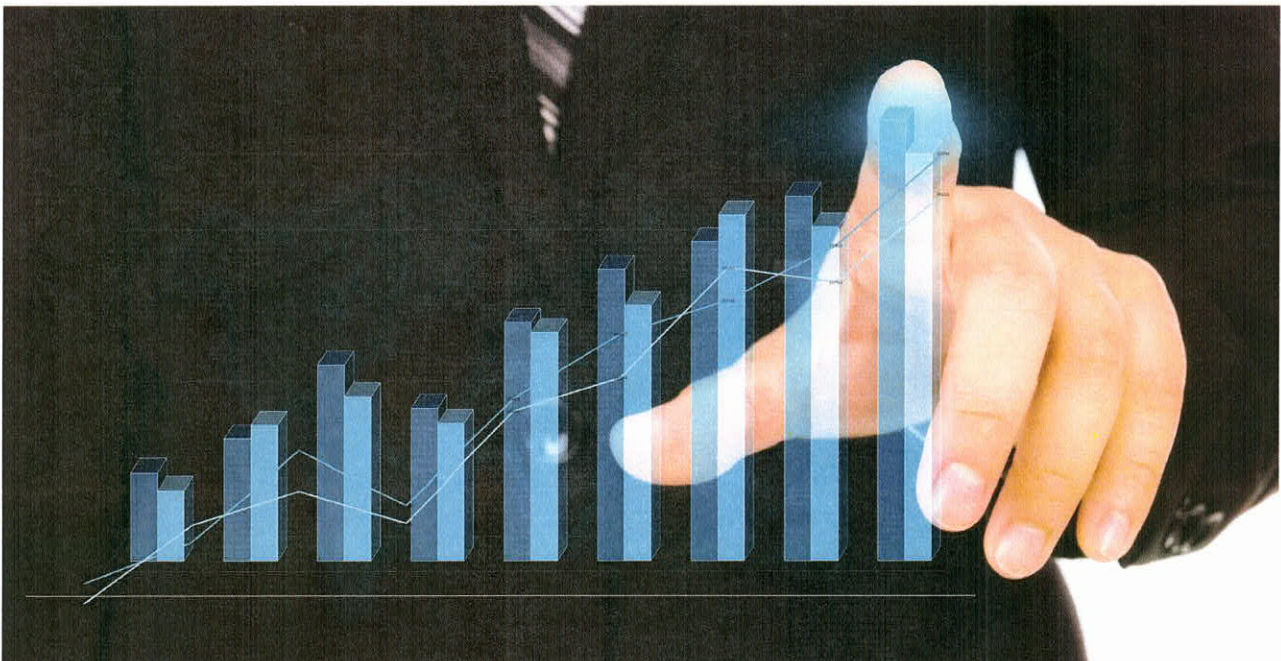
Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.





## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



### Công ty con

Không có

### Công ty liên kết

Không có







### ***CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU***

VFC cung cấp các sản phẩm Nông được; Giống cây trồng; các dịch vụ Khử Trùng và Kiểm soát dịch hại có chất lượng cao từ các đối tác có uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

VFC mang đến cho khách hàng và bà con nông dân các sản phẩm, dịch vụ chất lượng được đảm bảo, phù hợp với những tiêu chuẩn hàng xuất khẩu và bảo vệ môi trường.

Qua đó:

- » Mang đến sự yên tâm cho bà con nông dân, nâng cao uy tín cho khách hàng;
- » Nâng cao giá trị, cổ tức cho cổ đông ngày càng cao;
- » Nâng cao đời sống và niềm tự hào cho người lao động.





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## *CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN*

### **Công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ:**

- Củng cố bộ sản phẩm, dịch vụ chủ lực để tăng sức cạnh tranh.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm kiếm sản phẩm, phát triển mới các dịch vụ để bổ sung đáp ứng các nhu cầu phòng trừ và kiểm soát dịch hại.
- Rà soát và chuẩn hóa các quy chuẩn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hàng xuất khẩu và tiêu chuẩn sản phẩm hợp quy.
- Đẩy nhanh tiến độ phát triển sản phẩm mới: bổ sung các sản phẩm còn thiếu trong các giải pháp của VFC; Phát triển các sản phẩm mới do VFC chủ sở hữu.





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

### Công tác quy hoạch và phát triển Hệ thống phân phối, kênh bán hàng

Hệ thống Chi Nhánh, cửa hàng, kho bãi:

- Quy hoạch Hệ thống Chi nhánh đảm bảo cung ứng sản phẩm, dịch vụ kịp thời và hiệu quả.
- Quy hoạch lại Hệ thống nhà kho, bãi chứa hàng hóa đảm bảo sức chứa và thuận lợi trong giao hàng và quản lý vật tư, hàng hóa.
- Xây dựng kho trung tâm, tổ chức lại công tác điều phối hàng hóa, cải tiến cơ chế quản lý và điều phối hàng.

Hệ thống đại lý cấp 1 và cấp 2:

- Chọn lọc Hệ thống mạng lưới cấp 1 và cấp 2 để nâng cao chất lượng và hiệu quả phân phối sản phẩm, dịch vụ.
- Mở rộng Hệ thống mạng lưới đại lý cấp 1 và cấp 2 tại các thị trường trọng điểm và thị trường mới để tăng độ phủ thị trường.
- Xác lập lại hệ thống phân phối theo chủ trương của công ty: VFC cùng C1 chăm sóc đại lý bán lẻ.





### Về Chính sách bán hàng

- Xây dựng điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt theo từng khu vực địa bàn, từng nhóm khách hàng mục tiêu mang lại hiệu quả cao cho Hệ thống phân phối.
- Cải tiến công tác quản lý và thanh lý chính sách bán hàng đáp ứng kịp thời và tăng lợi ích cho đại lý.

### Về Công tác Marketing

- Xây dựng các chương trình, hoạt động tạo lực hút trực tiếp marketing gắn với thị trường và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.
- Đa dạng hóa hình thức hoạt động marketing và linh hoạt các hoạt động truyền thông.
- Cải tiến các hoạt động marketing hiệu quả, nâng cao hiệu quả đối với lực lượng Tiếp sức cùng nông dân.
- Tăng cường các chương trình tài trợ, ủng hộ các hoạt động y tế, giáo dục cho đối tượng vùng sâu, vùng xa, dân nghèo, hoàn cảnh khó khăn, cộng đồng nhằm củng cố thương hiệu công ty.
- Tham gia các hoạt động, diễn đàn, hiệp hội nghề nghiệp.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

### Về Công tác quan hệ

#### Với cổ đông:

- Tăng cường công tác quan hệ cổ đông, cung cấp kịp thời đầy đủ về thông tin hoạt động của công ty.
- Đảm bảo mức cổ tức cao hàng năm cho cổ đông và giá trị doanh nghiệp ngày càng tăng.
- Theo dõi thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông và báo cáo thông tin kịp thời theo Luật chứng khoán và yêu cầu của UBCKNN

#### Với đối tác chiến lược và đối tác khác:

- Tăng cường mối quan hệ và hợp tác, chia sẻ với đối tác chiến lược.
- Gắn kết các hoạt động kinh doanh và sứ mạng của đối tác chiến lược và công ty.
- Cam kết thực hiện tốt những thỏa thuận với đối tác khác.

#### Với cơ quan quản lý, khoa học kỹ thuật:

- Tăng cường mối quan hệ và hợp tác truyền thống với các cơ quan quản lý, các nhà khoa học trong các chương trình và nhiệm vụ quản lý nhà nước.

#### Với các tổ chức Đoàn thể trong công ty:

- Tăng cường chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên nhằm góp phần tạo sự gắn kết tập thể người lao động, xây dựng doanh nghiệp văn hóa.

### Công tác đầu tư:

#### Cơ sở vật chất:

- Hoàn thiện đầu tư nhà máy, mở rộng sản xuất sản phẩm nông dược, thuốc khử trùng, kiểm soát côn trùng để đáp ứng đủ nhu cầu bán hàng.
- Bổ sung đầu tư xây dựng, sửa chữa Chi Nhánh, nhà kho, trang bị các trang thiết bị, dụng cụ quản lý.
- Trang bị phương tiện vận tải, thiết bị làm việc để thuận tiện trong việc triển khai và xử lý các vấn đề liên quan đến sản xuất và kinh doanh.

#### Kỹ thuật, công nghệ:

- Cải tiến kỹ thuật sản xuất sản phẩm, dịch vụ để nâng cao năng suất.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng những công nghệ sản xuất mới, phát triển dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu thị trường.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### Công tác tài chính, kế toán:

- Chủ động thu thập, phân tích thông tin phục vụ công tác Lập kế hoạch, dự báo về tình hình tài chính để cân đối tốt tài chính, sử dụng vốn hiệu quả và phòng ngừa rủi ro.
- Tăng cường công tác quản lý tài sản, tài chính, rà soát lại các chính sách quản lý tài chính, điều chỉnh để chính sách tài chính phù hợp đối với các bộ phận, ưu tiên các bộ phận Bán hàng, Marketing, Phân phối và Phát triển sản phẩm.
- Cải tiến và hoàn thiện công tác kế toán và phần mềm kế toán nhằm đáp ứng kịp thời về thông tin tài chính và Lập Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị kịp thời thông tin cho các cấp quản lý và đối tượng kiểm soát.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát dữ liệu và chứng từ kế toán tại các đơn vị để đảm bảo hạch toán đúng và kịp thời.



**Công tác tổ chức - nhân sự và quản trị công ty:**

- Cơ cấu lại đội ngũ theo hướng trẻ hóa, quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ nắm giữ vị trí quan trọng nhằm tăng khả năng thích ứng, nắm bắt kịp yêu cầu phát triển của Công ty.
- Cải tiến công tác tiền lương, tiền thưởng linh hoạt nhằm mang lại sự công bằng và thu hút động viên và phát huy sự cống hiến của người lao động.
- Tuyển dụng; bố trí; sắp xếp lại lao động các cấp để đáp ứng kịp thời nguồn lao động phục vụ yêu cầu phát triển của công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề của người lao động. Tổ chức các lớp học để nâng cao kỹ năng quản lý và nghiệp vụ cho nhân viên nhằm mang lại hiệu quả làm việc ngày càng cao hơn.
- Tiếp tục cải tiến, thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành công ty. Rà soát và sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng trẻ hóa phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của từng bộ phận, phòng ban, đơn vị trong công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung của công ty và xây dựng chính sách ưu đãi cụ thể đối với đội ngũ kế thừa.

**Chỉ tiêu về tăng trưởng Doanh thu, thị phần và Lợi nhuận:**

- Dù khó khăn về thị trường do tình hình ảnh hưởng của bệnh dịch và giá cả nông sản bấp bênh nhưng vẫn nỗ lực khai thác tối đa thị trường để doanh số không ảnh hưởng nhiều và thị phần chung giữ vững.
- Chỉ tiêu về Lợi nhuận: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần đạt bình quân từ 4% - 5%/năm.



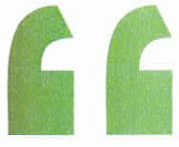
### Các mục tiêu đối với môi trường xã hội và cộng đồng của Công ty

- Với sứ mạng mang lại sự thỏa mãn tối đa các lợi ích của khách hàng, đối tác và cộng đồng thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng được đảm bảo. VFC hướng đến những mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng với những yêu cầu đa dạng của thị trường, phù hợp với những tiêu chuẩn hàng xuất khẩu và bảo vệ môi trường. Qua đó mang lại giá trị doanh nghiệp, cổ tức của cổ đông ngày càng tăng cao; nâng cao đời sống và niềm tự hào cho người lao động.
- Song song đó, đối mặt với hiểm họa thay đổi khí hậu toàn cầu vốn là thách thức chung của toàn thế giới, VFC chung tay cùng xã hội góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường qua các chiến lược xanh, dự án xanh như: tối ưu hóa nguồn nguyên liệu, bảo vệ nguồn nước, nghiên cứu các dự án xanh, năng lượng xanh...
- Với tầm nhìn vươn ra biển lớn, VFC nỗ lực để trở thành nhà phân phối và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trong ngành Nông dược; Giống cây trồng và các dịch vụ kỹ thuật cây trồng; các dịch vụ Khử Trùng và Kiểm soát dịch hại có uy tín hàng đầu tại Việt Nam. VFC không ngừng nghiên cứu và phát triển những sản phẩm chất lượng, an toàn. Đồng thời xây dựng những kênh phân phối hiệu quả, đào tạo nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo nên môi trường chuyên nghiệp làm nền tảng cho hệ thống cung cấp dịch vụ chất lượng đến khách hàng.
- Đối với các mục tiêu tài chính, VFC thực hiện kết hợp nhuần nhuyễn của các phòng ban. Tận dụng các ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến 4.0, để xây dựng nên một dây chuyền làm việc hiệu quả nhằm tăng trưởng doanh thu, tối ưu hóa lợi nhuận. Đảm bảo dòng tiền được luân chuyển hiệu quả. Qua đó không chỉ góp phần nâng cao giá trị doanh nghiệp mà còn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách nhà nước và phát triển xã hội, đóng góp vào GDP, góp phần đưa nền kinh tế nước nhà phát triển và vươn tầm thế giới.
- Yếu tố quan trọng nhất của một doanh nghiệp chính là “Con người”. Nhận thức được điều đó, VFC chú trọng các mục tiêu phát triển con người. Không chỉ là đào tạo chuyên môn, mà còn chăm lo cho đời sống cán bộ công nhân viên, thăm hỏi và hỗ trợ khi ốm đau, thăm hỏi khi gia đình cán bộ nhân viên có hiếu hỷ và các hoạt động nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái trong công ty. Tổ chức các hoạt động gắn kết, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên được học hỏi tiếp cận các kiến thức cần thiết. Qua đó xây dựng được nguồn nhân lực có đầy đủ trình độ và phẩm chất, cùng phần đầu vì mục tiêu chung của công ty.









# CÁC RỦI RO



## *Rủi ro kinh tế*

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Theo Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 ước tính tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại sau đại dịch Covid – 19. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11%;

khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông dược, giống cây trồng, những biến động của nền kinh tế nói chung và khu vực nông, lâm nghiệp nói riêng luôn có những tác động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VFC. Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn theo sát, đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến đang xảy ra.



## Rủi ro pháp luật

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VFC chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật kế toán, Luật Thuế và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong điều kiện khung pháp lý và hệ thống luật pháp Việt Nam đang từng bước hoàn thiện nên có những điều chỉnh, thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Nhằm hạn chế rủi ro về pháp luật, VFC thực hiện quản trị hệ thống hóa các văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo tinh thần tuân thủ quy định pháp luật trong mọi hoạt động doanh nghiệp:

- Hệ thống hóa và thường xuyên cập nhật các Luật và quy định có liên quan để nắm vững và triển khai đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện đúng quy định của Pháp luật.
- Hệ thống và cập nhật các văn bản pháp luật về điều kiện sản xuất và kinh doanh thuốc BVTV, Giống cây trồng, các quy định pháp luật môi trường, quản lý chất thải, hóa chất, PCCC.
- Hệ thống và cập nhật các quy định pháp luật lao động, các quy định về an toàn lao động trong sản xuất.
- Đào tạo hoặc tuyển dụng chuyên viên có kinh nghiệm pháp chế để thẩm định các hợp đồng trước khi ký kết.
- Kết hợp với các tổ chức tư vấn pháp luật chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết.
- Không tham gia các hoạt động chính trị, xã hội hoặc các hoạt động khác pháp luật Việt Nam nghiêm cấm.





# CÁC RỦI RO

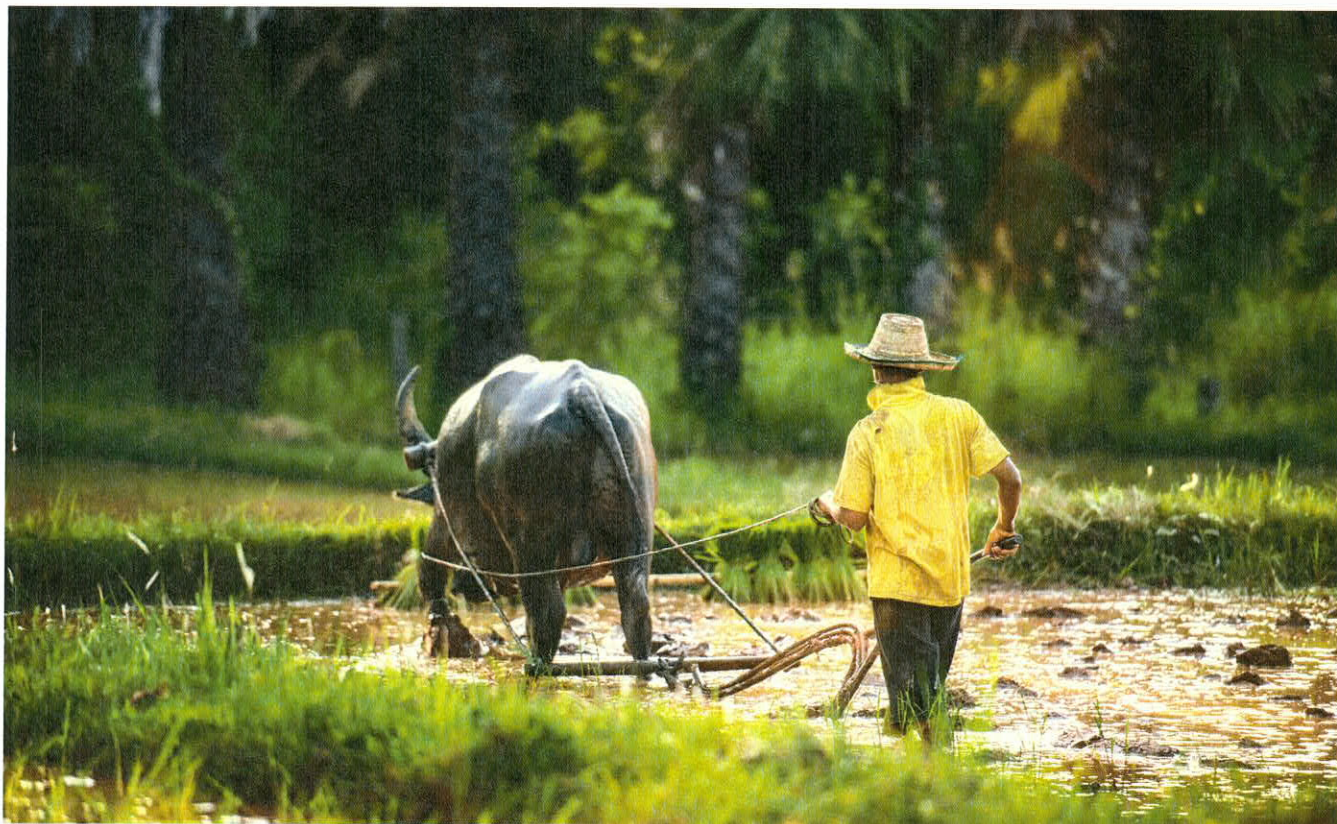


## Rủi ro khí hậu

Thời tiết được đánh giá là rủi ro quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của bà con nông dân sản xuất, là khách hàng sử dụng sản phẩm kinh doanh của Công ty. Với diễn biến thời tiết cực đoan (mưa, nắng nóng và hạn hán bất thường, tình trạng xâm ngập mặn...) trong những năm qua cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của bà con nông dân. Do đó làm ảnh hưởng đến lộ trình phát triển kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của Công ty, nhất là lĩnh vực kinh doanh Nông dược – Giống cây trồng. Để đối phó với rủi ro này, VFC đã thực hiện những giải pháp nhằm hỗ trợ nông dân và nhà phân phối ứng phó với rủi ro như sau:

- Đẩy mạnh trong hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm: tập trung phát triển các dòng sản phẩm thích ứng rộng; giá cả cạnh tranh và phù hợp với diễn biến, thay đổi của đối tượng dịch hại do tác động của biến đổi khí hậu để bảo vệ mùa màng và cây trồng.
- Củng cố hệ thống phân phối tập trung vào khu vực sản xuất nông nghiệp trọng điểm và đẩy mạnh công tác tập huấn hỗ trợ hệ thống đại lý trong quản lý kinh doanh và thường xuyên cập nhật thông tin về diễn biến dịch hại, hướng dẫn kỹ thuật đồng ruộng cho nông dân để tránh những tác động của khí hậu, thời tiết.





### ***Rủi ro môi trường***

Đặc thù của ngành nông dược nói riêng và ngành hóa chất nói chung được coi là gây ô nhiễm môi trường. Các chất thải của ngành thường có mức độ độc hại lớn và gây nguy hiểm cho tự nhiên và con người. Qua đó, các hoạt động sản xuất, lưu trữ, bảo quản và vận chuyển đi phân phối trên thị trường của Công ty có thể xảy ra các sự cố về môi trường nếu không được quản lý một cách chặt chẽ. Với mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững, Công ty luôn cải tiến quy trình, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị. Đồng thời, lập kế hoạch phòng ngừa để ứng phó với các sự cố rò rỉ hóa chất. Các nhà máy ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường hiện đại với công suất xử lý được lượng lớn chất thải. Bên cạnh đó, Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các chế độ bảo hiểm để đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Công tác bảo vệ môi trường luôn được chú trọng và đảm bảo thực hiện đúng theo quy định pháp luật.



# CÁC RỦI RO

## Rủi ro cạnh tranh

Là một quốc gia sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, Việt Nam cũng đang mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng đối với những công ty sản xuất các sản phẩm nông hóa. Tuy nhiên những năm gần đây, diện tích đất trồng trọt không còn tăng đáng kể trong khi sự phát triển của ngành giống mang lại các loại gen mới có sức chống chịu tốt với sâu bệnh hơn, đồng thời là sự hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ cũng góp phần làm cho nhu cầu thuốc bảo vệ thực vật giảm. Hiện tại, lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường, từ các sản phẩm từ các doanh nghiệp trong nước đến các mặt hàng nhập khẩu từ các thị trường như Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Đức... Với rủi ro về cạnh tranh như thế, VFC luôn ý thức được việc kiểm soát chất lượng các sản phẩm của mình. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu các sản phẩm mới luôn được Công ty chú trọng nhằm có thể ra đời những sản phẩm mới phù hợp với thị trường.

## Rủi ro tài chính, tín dụng khách hàng

Đây là rủi ro do các khách hàng mất khả năng thanh toán, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc khách hàng thực hiện thanh toán chậm so với thời hạn quy định. Để phòng ngừa rủi ro này, Công ty đã thực hiện xây dựng áp dụng quy trình thẩm định năng lực khách hàng nhằm đánh giá năng lực kinh doanh của khách hàng, đánh giá tình hình kinh doanh và tài chính, đánh giá khả năng tiêu thụ, nắm bắt thông tin khách hàng, diễn biến thay đổi trong thanh toán. Từ đó xác định Hạn mức nợ áp dụng đối với từng khách hàng, theo dõi tình hình bán hàng, quan sát thông tin để phát hiện kịp thời các dấu hiệu mất khả năng thanh toán để có biện pháp giải quyết kịp thời.

Bên cạnh đó, công ty cũng yêu cầu đảm bảo tính pháp lý trong các thủ tục bán hàng phòng ngừa tranh chấp pháp lý có thể xảy ra, thường xuyên theo dõi, đối chiếu và chốt số dư công nợ. Với những biện pháp kiểm soát chặt chẽ này, năm 2022, Công ty không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi.





## Rủi ro thanh toán

Trong điều kiện diễn biến khó khăn về tài chính và tiền tệ, rủi ro thanh khoản luôn tiềm ẩn xảy ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng, nhà cung cấp. Để hạn chế rủi ro này, VFC luôn quan tâm công tác quản trị dòng tiền và cân đối các tài sản, luôn lập kế hoạch chủ động dòng tiền và cân đối dòng lưu chuyển của các tài sản để trách nhiệm thanh toán thực hiện đúng cam kết thanh toán với nhà cung cấp, với ngân hàng nên đã hạn chế tối đa khả năng xảy ra rủi ro thanh khoản, chủ động dòng tiền.

## Rủi ro tỷ giá

Mặt hàng kinh doanh lĩnh vực Thuốc bảo vệ thực vật, Khử trùng và Kiểm soát dịch hại phần lớn thông qua nhập khẩu dùng tiền tệ USD thanh toán hoặc định giá theo USD nên chịu nhiều ảnh hưởng từ tỷ biến động của tỷ giá tiền USD so với Đồng Việt Nam. Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với cú sốc tỷ giá. Đã có lúc, VND mất giá cao so với USD (mất gần 9%) trong tháng 11/2022. Điều này mang lại rủi ro gia tăng khoản phải trả khách hàng do tăng giá đồng USD. Tỷ giá tăng làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận. Để hạn chế tác động của yếu tố ngoại tệ và tỷ giá, VFC thực hiện biện pháp:

- Nâng cao mối quan hệ hợp tác với một số ngân hàng lớn trong nước và ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và đàm phán hạn mức tín dụng và giải pháp tiền ngoại tệ và công cụ tài chính ngoại tệ với các ngân hàng.
- Lập kế hoạch và Phương án dòng tiền dự phòng để chuẩn bị huy động nguồn tiền để thanh toán nhanh áp dụng đối với những lúc tỷ giá ngoại tệ có biến động mạnh.





# CÁC RỦI RO

## Rủi ro quản lý

---

Trong quản lý hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp luôn tiềm ẩn rủi ro, để phòng ngừa rủi ro trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, công ty thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện quy chế, quy trình, thủ tục, quy định trong toàn Công ty, đề xuất bổ sung, sửa đổi nội dung kịp thời để phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Những biện pháp thực hiện như sau:

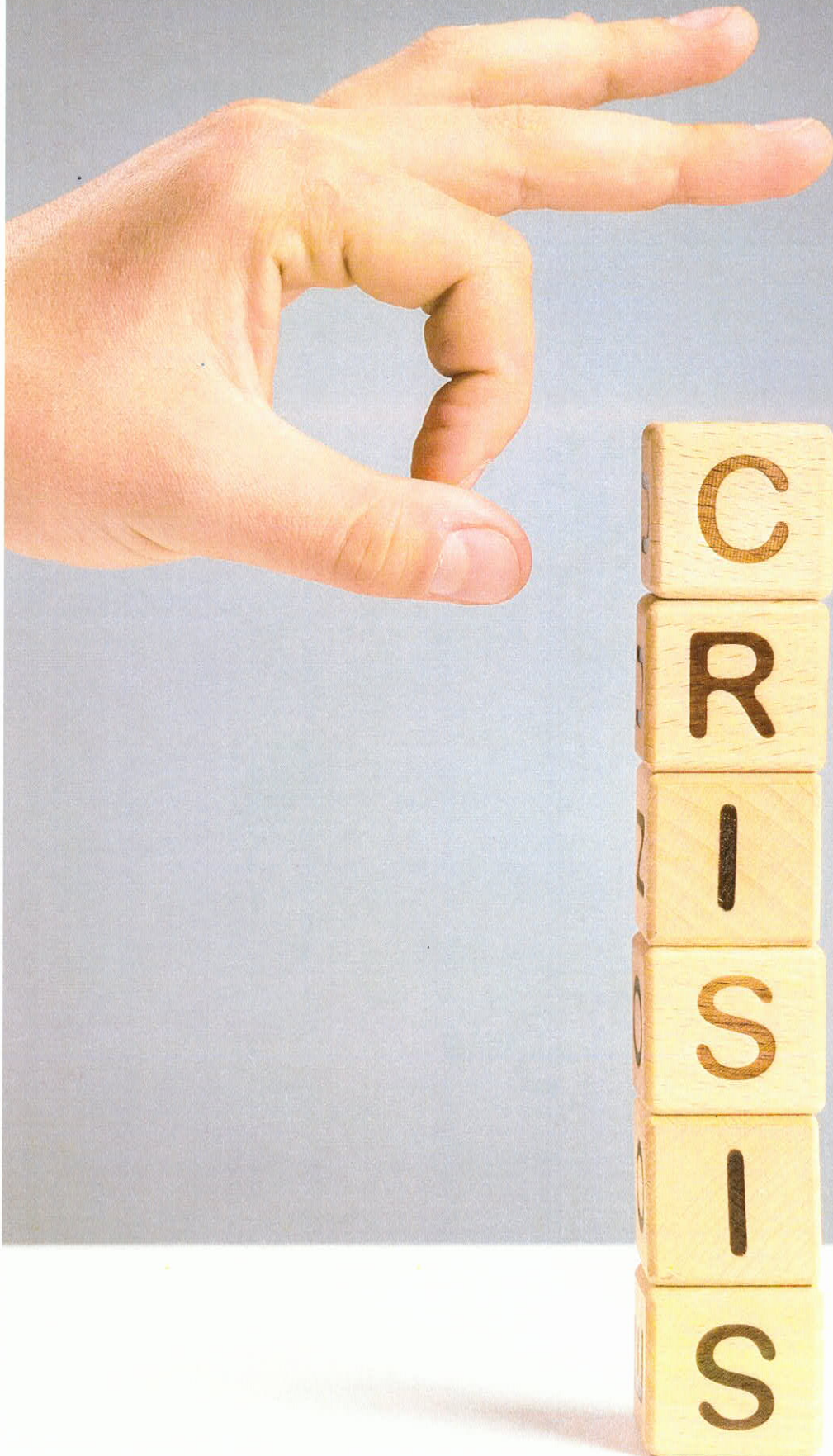
- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng tài chính của từng đơn vị trực thuộc và toàn Công ty.
- Kiểm soát hoạt động kế toán tài chính công ty để đảm bảo tính tuân thủ luật Kế toán, luật Thuế và các quy định khác của Nhà nước và quy chế công ty. Kiểm soát tính chính xác, kịp thời trong các báo cáo quản trị.
- Kiểm soát công tác quản lý hàng hóa, kho tàng. Kiểm soát hao hụt.
- Kiểm tra quy trình giao việc của đơn vị: từ ký kết mục tiêu năm, 6 tháng, kế hoạch làm việc tháng, tuần.
- Kiểm soát việc giải quyết các chế độ đối với người lao động theo quy chế (tiền lương, thưởng, phúc lợi).

## Rủi ro khác

---

Ngoài những rủi ro đã đề cập, những rủi ro khó lường khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và lợi nhuận của công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch, lũ lụt,...Đặc biệt khi mà đại dịch Covid – 19 vừa mới qua đi, nhận thức về những rủi ro bất khả kháng có thể xảy đến cho Công ty càng được chú trọng. Qua đó, công ty luôn phải chủ động để phòng, xây dựng những biện pháp về an ninh, y tế. Công ty thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ nhân viên công ty nắm bắt và có biện pháp phòng tránh kịp thời để giảm thiệt hại về bản thân từng người và cũng như là tài sản. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký các hợp đồng bảo hiểm tài sản và con người để hạn chế đến mức thấp nhất các tổn thất có thể xảy ra.











## 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

|                                                       |    |
|-------------------------------------------------------|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh               | 40 |
| Tổ chức nhân sự                                       | 42 |
| Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án                 | 54 |
| Tình hình tài chính                                   | 56 |
| Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 60 |
| Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội     | 62 |



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

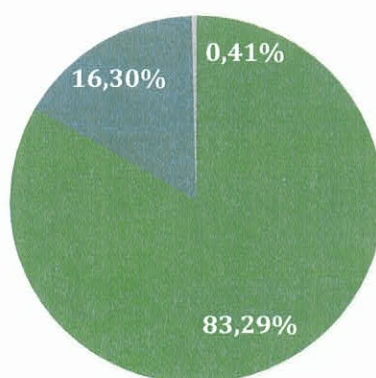
Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu           | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2022 | TH2022/TH2021 | TH2022/KH2022 |
|-----|--------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|---------------|
| 1   | Doanh thu thuần    | 2.076,11       | 3.150         | 2.976,78       | 143,38%       | 94,50%        |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế | 165,05         | 210           | 229,16         | 138,84%       | 109,13%       |

Năm 2022, Doanh thu thuần Công ty đạt 2.976,78 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 229,16 tỷ đồng.

Doanh thu thuần của Công ty tăng đến 43,38% so với năm 2021, đạt mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của Công ty. Mặc dù chỉ đạt 94,50% so với kế hoạch doanh thu đề ra, nhưng Công ty vẫn đảm bảo Lợi nhuận sau thuế đạt 109,13% so với kế hoạch, tăng 38,84% so với năm 2021.

### CƠ CẤU DOANH THU THUẦN NĂM 2022



- Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ
- Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT         | Chỉ tiêu                                 | Thực hiện 2021  | Thực hiện 2022  | Thực hiện 2022/Thực hiện 2021 |
|-------------|------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------------------|
| 1           | Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm | 1.631,48        | 2.479,37        | 151,97%                       |
| 2           | Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ         | 434,77          | 485,22          | 111,61%                       |
| 3           | Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê         | 9,86            | 12,19           | 123,68%                       |
| <b>Cộng</b> |                                          | <b>2.076,11</b> | <b>2.976,78</b> | <b>143,38%</b>                |







## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách & Lý lịch Ban điều hành

*Cổ phần sở hữu tính tại ngày 16/08/2022*

| STT | Thành viên              | Chức vụ                                   | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Trương Công Cứ      | Thành viên HĐQT kiêm<br>Tổng Giám đốc     | 565.068            | 1,35%        |
| 2   | Bà Nguyễn Bạch Tuyết    | Chủ tịch HĐQT kiêm<br>Phó Tổng Giám đốc   | 779.751            | 1,87%        |
| 3   | Ông Trần Văn Dũng       | Thành viên HĐQT kiêm<br>Phó Tổng Giám đốc | 33.995             | 0,08%        |
| 4   | Ông Đào Xuân Trọng      | Phó Tổng Giám đốc                         | 68.292             | 0,16%        |
| 5   | Bà Phạm Thị Ngọc Phương | Kế toán trưởng                            | 109.056            | 0,26%        |

#### ÔNG TRƯƠNG CÔNG CỨ

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 11/12/1955

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

#### Quá trình công tác:

- Từ 1976 – 1979: Cán bộ kỹ thuật Chi Cục Kiểm dịch thực vật
- Từ 1980 – 1981: Trưởng phòng kỹ thuật Chi Cục Kiểm dịch thực vật vùng II
- Từ 1981 – 1989: Cán bộ kỹ thuật Công ty Khử Trùng Việt Nam
- Từ 1990 – 1991: Phó giám đốc Công ty Khử Trùng Việt Nam
- Từ 1991 – 1999: Phó giám đốc CTCP Khử Trùng Giám Định Việt Nam
- Từ 1999 – 09/2009: Phó Tổng giám đốc Công ty CTCP Khử Trùng Việt Nam
- Từ 10/2009 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có





## BÀ NGUYỄN BẠCH TUYẾT

Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 10/11/1942

**Nơi sinh:** Quảng Ngãi

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư nông nghiệp

### Quá trình công tác:

- Từ 1976 – 1984: Chi cục phó Cục Bảo vệ thực vật
- Từ 1985 – 1999: Giám đốc công ty Khử trùng Việt Nam
- Từ 1999 – 2000: Giám đốc CTCP Khử Trùng Giám Định Việt Nam
- Từ 2001 – 09/2009: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khử Trùng Việt Nam
- Từ 10/2009 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khử Trùng Việt Nam

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hải Yến



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Danh sách & Lý lịch Ban điều hành

#### ÔNG TRẦN VĂN DŨNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 30/12/1975

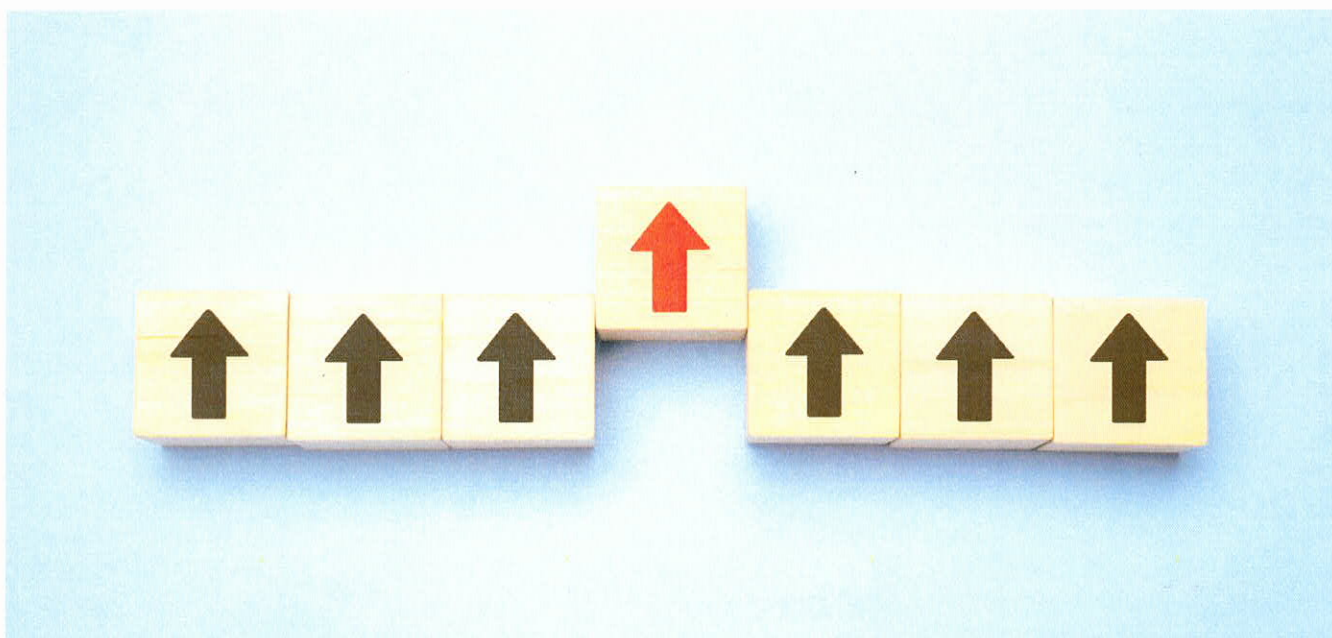
Nơi sinh: An Giang

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### Quá trình công tác:

- Từ 1998 – 1999: Kế toán kho Công ty Haprosimex Sài Gòn
- Từ 2000 – 2012: Kế toán trưởng CTCP Bảo vệ Thực vật An Giang
- Từ 2012 – 2015: Chuyên viên tư vấn
- Từ 2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Đại diện Công bố thông tin CTCP Khử Trùng Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có







## ÔNG ĐÀO XUÂN TRỌNG

Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 13/07/1972

**Nơi sinh:** Hải Dương

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư kinh tế

### Quá trình công tác:

- 1994 – 2002: Đội trưởng Khử trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam
- 2003 – 2008: Phó Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam
- 2008 – 2009: Trưởng Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam
- 2009 – 2011: Phòng Kỹ thuật Khử Trùng tại CTCP Khử trùng Việt Nam tại CTCP Khử trùng Việt Nam
- 2012 – 2019: Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh CTCP Khử trùng Việt Nam
- 2019 – 2021: Giám Đốc Ngành KTR & PCO CTCP Khử trùng Việt Nam
- 19/01/2022: Phó tổng giám đốc CTCP Khử trùng Việt Nam

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### *Danh sách & Lý lịch Ban điều hành*

**BÀ PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG**

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 23/03/1978

Nơi sinh: Long An

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

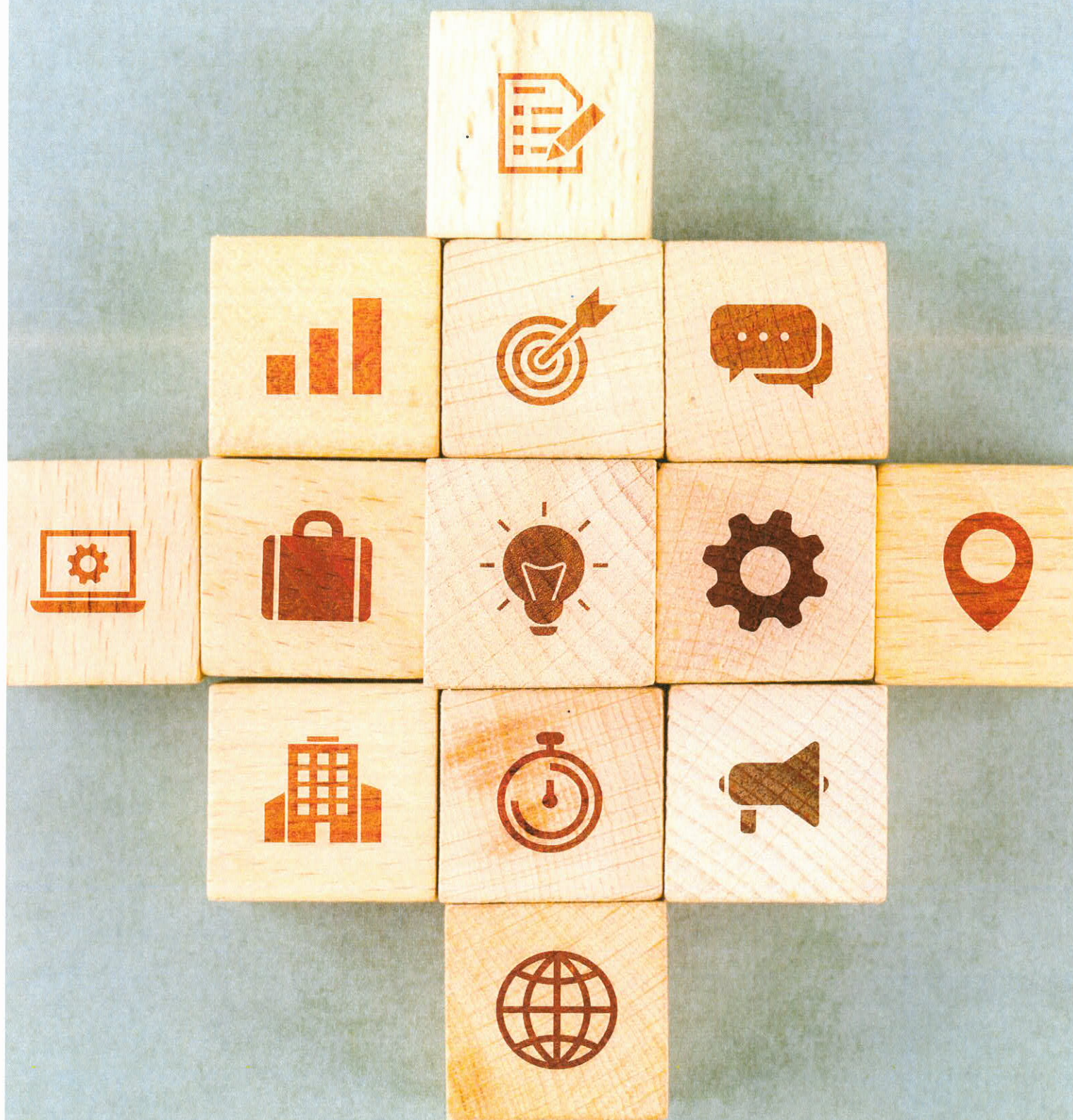
- 2000 – 2012: Kế toán viên tại CTCP Khử trùng Việt Nam
- 2012 – 2021: Phó Phòng Tài chính – Kế toán CTCP Khử trùng Việt Nam
- 2021 – nay: Kế toán trưởng CTCP Khử trùng Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

### *Thay đổi thành viên Ban điều hành 2022*

Không có







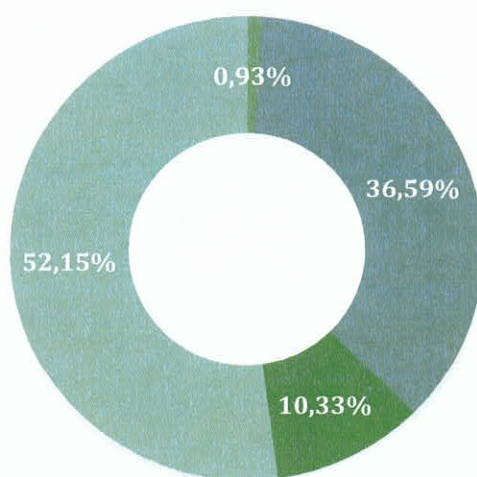
## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Số lượng cán bộ công nhân viên

Tính tại ngày 31/12/2022

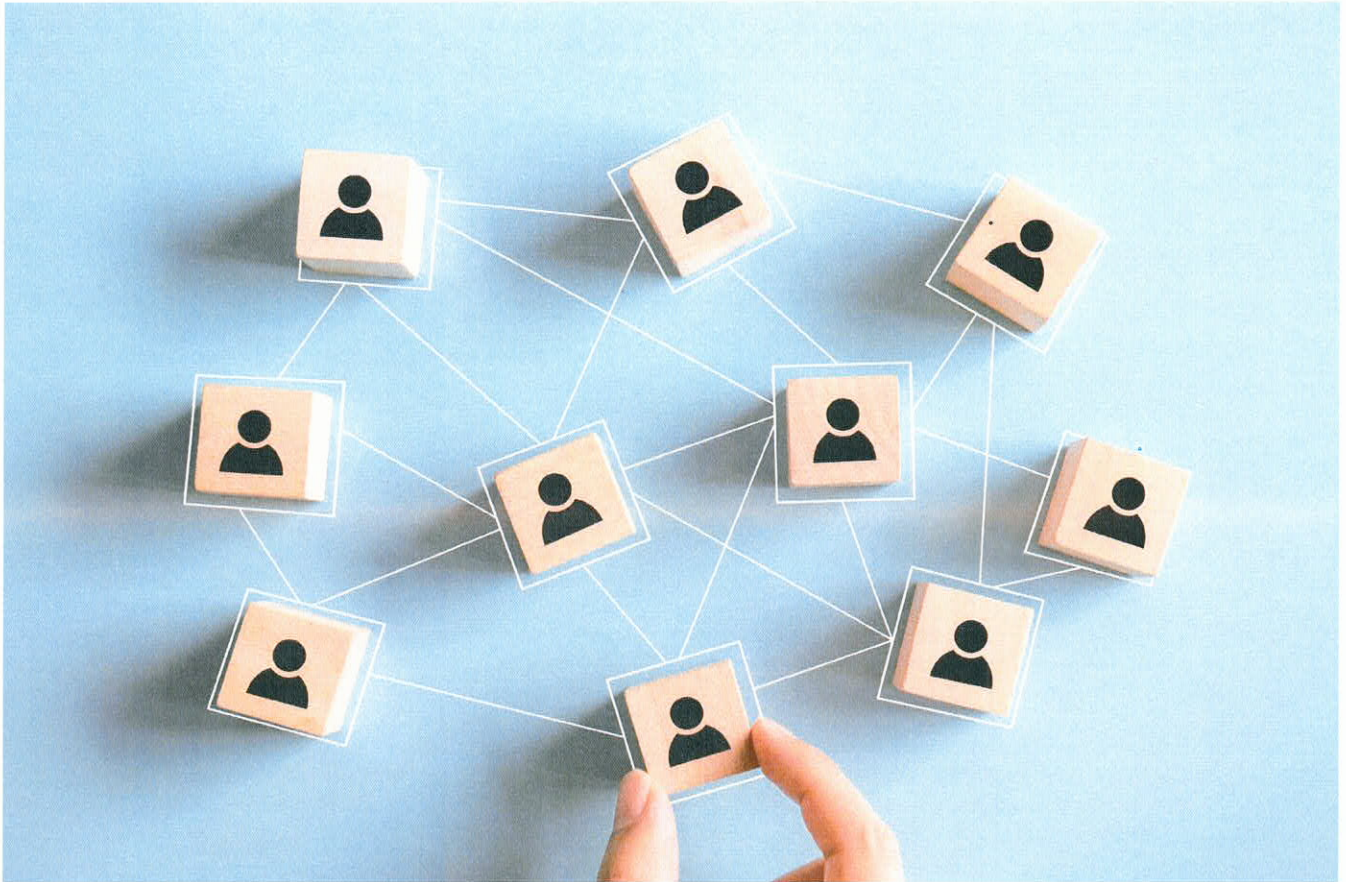
| STT | Tính chất phân loại                     | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|-----|-----------------------------------------|------------------|--------------|
| A   | Theo trình độ                           | 1394             | 100%         |
| 1   | Trên Đại học                            | 13               | 0,93%        |
| 2   | Đại học                                 | 510              | 36,59%       |
| 3   | Cao đẳng                                | 144              | 10,33%       |
| 4   | Trung cấp chuyên nghiệp & Lao động khác | 727              | 52,15%       |

### CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



■ Trên Đại học 
 ■ Đại học 
 ■ Cao đẳng 
 ■ Trung cấp chuyên nghiệp & Lao động khác





### Thu nhập bình quân

| STT | Năm  | Đơn vị tính        | Thu nhập bình quân |
|-----|------|--------------------|--------------------|
| 1   | 2020 | Đồng/ người/ tháng | 11.000.000         |
| 2   | 2021 | Đồng/ người/ tháng | 11.000.000         |
| 3   | 2022 | Đồng/ người/ tháng | 12.000.000         |



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Chính sách nhân sự

01

#### Chính sách lương thưởng, chế độ phúc lợi



##### Chế độ lương và các khoản phụ cấp:

Đối tượng: Áp dụng cho tất cả bao gồm Ban điều hành và nhân viên VFC;

Tiền lương: Bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp;

- Lương chức danh: Xác định theo vị trí công việc
- Phụ cấp: Bao gồm các khoản phụ cấp sau: Cơm trưa, xăng xe, điện thoại di động, độc hại, thuê nhà, giao tế, qua phà, cầu đường (nhân viên thị trường), thâm niên.

Công ty luôn đảm bảo 100% người lao động khi ký hợp đồng chính thức với Công ty đều được tham gia bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN).

Đảm bảo mức lương cơ bản làm cơ sở đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;

Đảm bảo tăng lương cơ bản định kỳ cho người lao động. Số lượng cán bộ nhân viên được điều chỉnh tăng lương là những cá nhân có hiệu quả làm việc tốt hoặc phải kiêm nhiệm thêm trách nhiệm công việc.

##### Chế độ thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách động viên, khen thưởng thiết thực, đảm bảo phúc lợi. Ngoài tiền lương, cán bộ nhân viên trong công ty còn được khen thưởng tùy theo kết quả đánh giá hiệu quả công việc. Từ năm 2012, công ty đã thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu cho cán bộ nhân viên giỏi và có công đóng góp cho VFC. Công ty đã thực hiện chi khen thưởng cho người lao động các dịp tết dương lịch 2022, tết nguyên đán 2022, thưởng lễ 30/04 & 1/5 & 2/9/2022, thưởng các quý 2022 khi đạt kế hoạch. Chính sách này đã tạo động lực tốt để nhân viên phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được.

##### Chính sách phúc lợi:

- BHXH, BHYT & BHTN: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà nước.
- Khám sức khỏe hàng năm: Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ một năm, một lần cho cán bộ quản lý và hai lần cho công nhân nhà máy.
- Quà sinh nhật: Áp dụng cho toàn thể CBCNV Công ty;
- Du lịch, nghỉ mát hàng năm: Tổ chức hàng năm theo Bộ phận;



## 02

## Môi trường công việc



“ Với phương châm “Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp”, VFC luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp để phấn đấu cho mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù;
- Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và tết theo qui định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép được kéo dài đến hết quý 01 năm sau;
- Nghỉ ốm, thai sản: Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các qui định hiện hành khác của Nhà Nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 06 tháng theo qui định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (nằm ngoài chế độ bảo hiểm do Nhà Nước chi trả);
- Tổ chức công đoàn: Công đoàn Công ty hoạt động khá hiệu quả, tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và vật chất. Công đoàn tổ chức động viên khen thưởng các cháu là con của CBNV trong Công ty có thành tích học tập tốt; Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, tang gia, hiếu hỉ hay đau ốm... đều được Công đoàn quan tâm giúp đỡ.



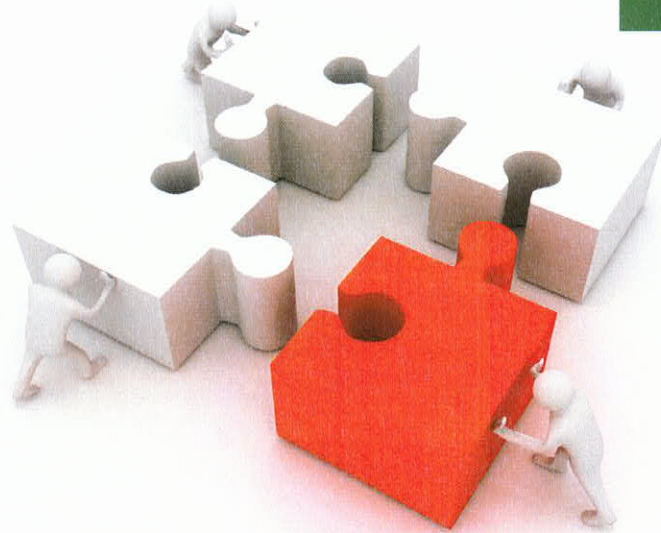




## Chính sách tuyển dụng & đào tạo

03

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để tăng cường đội ngũ, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.



Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Công tác đào tạo chủ yếu là đào tạo nội bộ. Ngành Khử Trùng & PCO đã thực hiện nhiều đợt đào tạo nghiệp vụ khử trùng & PCO cho cán bộ nhân viên các Chi nhánh. Kết quả đào tạo được đánh giá có hiệu quả góp phần nâng cao nhận thức và tay nghề cho cán bộ nhân viên trong ngành.

## Bảo hộ lao động và Phương tiện, công cụ làm việc

04

Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả cán bộ công nhân viên môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để cán bộ công nhân viên phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Kế hoạch đầu tư năm 2022 đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 có tổng ngân sách là 35 tỷ đồng, trong đó:

- » Thay mới một số phương tiện vận tải: 10 tỷ đồng
- » Đầu tư phát triển sản phẩm mới: 5 tỷ đồng
- » Đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị tin học và đầu tư công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý hiệu quả: 3 tỷ đồng
- » Đầu tư dây chuyền thiết bị Nhà máy Long An: 8 tỷ đồng
- » Đầu tư nâng cấp Văn phòng VFC TOWER, Chi nhánh: 4 tỷ đồng
- » Xây dựng Văn phòng điểm kinh doanh Sông Tiền: 5 tỷ đồng

### Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT                                  | Hạng mục đầu tư                                                                                        | Ngân sách đầu tư 2022 | Thực hiện năm 2022 | Tỷ lệ thực hiện |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|
| 1                                    | Thay mới số phương tiện vận tải                                                                        | 10,000                | 8,898              | 88,98%          |
| 2                                    | Đầu tư phát triển sản phẩm                                                                             | 5,000                 | 2,333              | 46,67%          |
| 3                                    | Đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị tin học và đầu tư công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý hiệu quả | 3,000                 | 2,797              | 93,23%          |
| 4                                    | Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị Nhà máy Long An                                                       | 8,000                 | 5,306              | 66,33%          |
| 5                                    | Đầu tư nâng cấp VP VFC, Chi nhánh                                                                      | 4,000                 | 6,547              | 163,68%         |
| 6                                    | Xây dựng Văn phòng điểm kinh doanh Sông Tiền                                                           | 5,000                 | -                  | -               |
| <b>Tổng ngân sách dự kiến đầu tư</b> |                                                                                                        | <b>35,000</b>         | <b>25,882</b>      | <b>73,95%</b>   |

Hàng năm, Công ty đều trình thông qua Đại hội đồng cổ đông lượng ngân sách đầu tư dự kiến để Công ty có thể thực hiện việc đầu tư, bổ sung, nâng cấp, sửa chữa các phương tiện, thiết bị, công trình xây dựng phát sinh trong năm. Giá trị các khoản ngân sách này không lớn so với quy mô doanh nghiệp, nhưng Công ty vẫn thực hiện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để cho các thủ tục giải ngân được dễ dàng và nhanh chóng hơn. Trong năm, việc thực hiện đầu tư đạt 25,882 tỷ đồng, đạt 73,95% so với ngân sách dự kiến. Giá trị ngân sách là giá trị dự kiến nên việc không thực hiện hết nguồn ngân sách không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.







## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu                                         | Năm 2021 | Năm 2022 | % 2022/2021 |
|-----|--------------------------------------------------|----------|----------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản                             | 1.899,75 | 2.756,47 | 145,10%     |
| 2   | Doanh thu thuần                                  | 2.076,11 | 2.976,78 | 143,38%     |
| 3   | Giá vốn hàng bán                                 | 220,31   | 148,40   | 67,36%      |
| 4   | Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 203,58   | 285,67   | 140,33%     |
| 5   | Lợi nhuận khác                                   | 1,99     | 2,01     | 100,82%     |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế                             | 205,57   | 287,68   | 139,94%     |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                               | 165,05   | 229,16   | 138,84%     |
| 8   | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                       | 55%*     | 20%**    |             |

(\*): Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 25% bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:3.

(\*\*): Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 20% và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 sắp tới.





## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

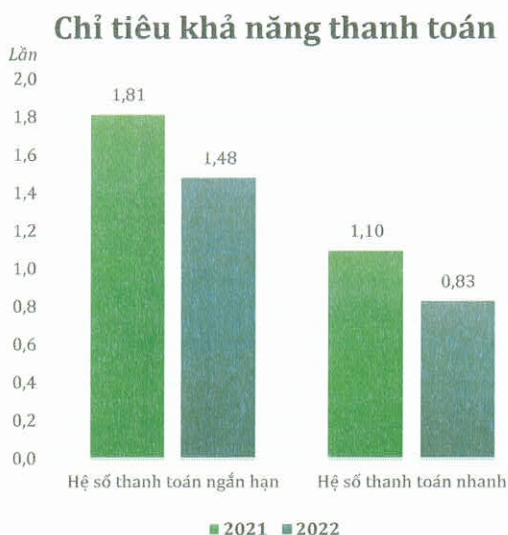
| Chỉ tiêu                                                                                 | ĐVT  | Năm 2021 | Năm 2022 |
|------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                                   |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>( <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> )                     | Lần  | 1,81     | 1,48     |
| Hệ số thanh toán nhanh<br>( <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> )/ <i>Nợ ngắn hạn</i> | Lần  | 1,10     | 0,83     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                                            |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                                    | %    | 46,36    | 58,63    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                                  | %    | 86,44    | 141,85   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                                    |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>( <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> )             | Vòng | 2,39     | 2,74     |
| Vòng quay tổng tài sản<br>( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i> )              | Vòng | 1,11     | 1,39     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                                     |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)                                           | %    | 7,95     | 7,70     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)                                 | %    | 16,62    | 21,24    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)                                   | %    | 8,83     | 10,69    |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần                        | %    | 9,81     | 9,60     |



## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán

Năm 2022, khả năng thanh toán của Công ty có phần suy giảm so với năm trước. Qua đó, Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,81 năm 2021 xuống còn 1,48 và Hệ số thanh toán nhanh giảm còn 0,83 từ con số 1,10 năm trước. Năm 2022 ghi nhận cả Tài sản ngắn hạn lẫn Nợ ngắn hạn đều tăng mạnh so với năm 2021. Tuy nhiên Nợ ngắn hạn lại tăng mạnh hơn dẫn đến các chỉ tiêu thanh toán giảm so với năm trước. Cụ thể, Tài sản ngắn hạn ghi nhận 2.389,09 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022, tương ứng tăng 56,07% so với cùng thời điểm năm trước. Trong khi đó, Nợ ngắn hạn lại tăng đến 91,22%, từ 843,98 triệu đồng tại ngày 31/12/2021 lên 1.613,83 triệu đồng cuối năm nay.

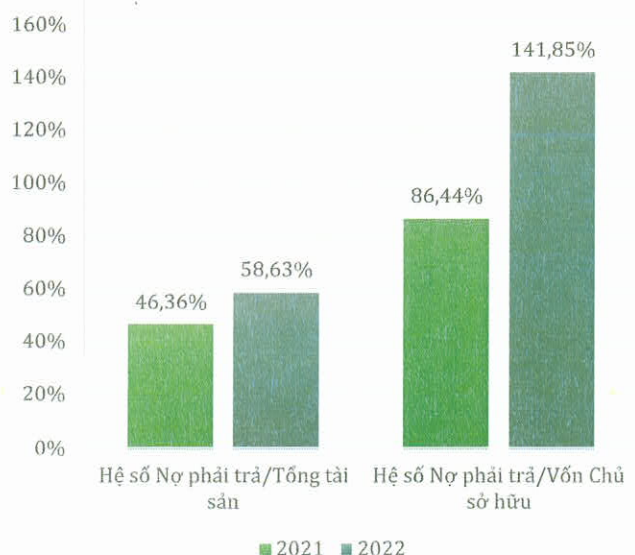


Đối với Tài sản ngắn hạn tăng, nguyên nhân đến từ sự gia tăng các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và Hàng tồn kho. Khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 212,27 tỷ đồng cuối năm trước lên 591,20 tỷ đồng cuối năm nay, tương ứng tăng 178,52%. Còn Hàng tồn kho thì tăng 73,50%, ghi nhận con số 1.050,04 tỷ đồng vào cuối năm 2022. Đối với Nợ ngắn hạn, nguyên nhân tác động chủ yếu đến từ sự gia tăng các khoản phải trả ngắn hạn và vay ngắn hạn. Trong đó, khoản phải trả ngắn hạn lớn nhất đến từ Công ty TNHH Syngenta Việt Nam, là đối tác chính của VFG trong suốt nhiều năm nay, khoản phải trả này ghi nhận cuối kỳ là 525,16 tỷ đồng, tăng 121,71% so với đầu kỳ. Bên cạnh đó là phát sinh khoản vay ngắn hạn 182,41 tỷ đồng trong năm 2022 để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

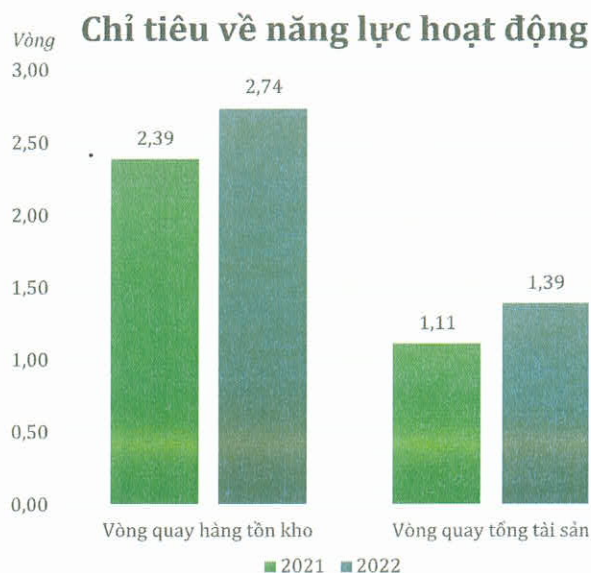
### Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn

Với việc Nợ phải trả ghi nhận tăng mạnh trong năm 2022 trong khi Tổng Tài sản và Vốn Chủ sở hữu chỉ tăng nhẹ đã làm cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn có sự gia tăng trong năm nay. Cụ thể, Hệ số Nợ phải trả/Tổng Tài sản tăng 12,27%, lên 58,63% năm 2022, còn Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu tăng từ 86,44% năm 2021 lên 141,85% năm nay, tương ứng tăng 55,41%. Năm 2022, Tổng Tài sản gia tăng hầu hết được góp phần bởi sự gia tăng Tài sản ngắn hạn, trong khi đó, Tài sản dài hạn lại không biến động nhiều. Vốn Chủ sở hữu ghi nhận tăng nhẹ trong năm 2022, đạt 1.139.30 tỷ đồng vào cuối kỳ, tương ứng tăng 11,81% so với cùng thời điểm năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự tăng trưởng nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

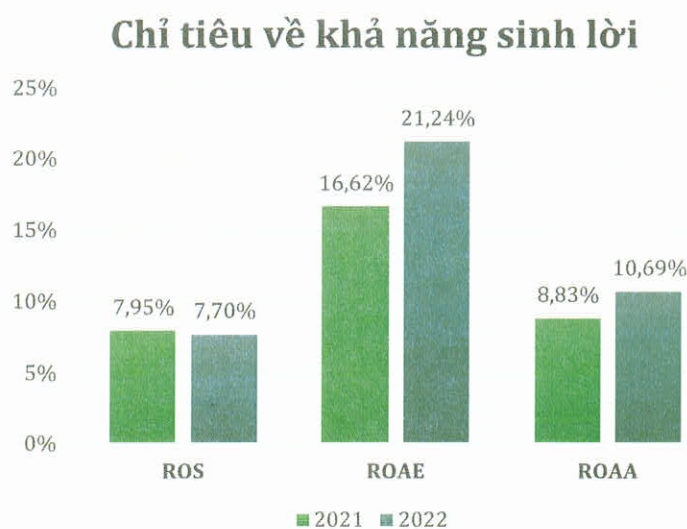






### Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động

Năm 2022, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty có sự cải thiện đáng kể. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,39 năm trước lên 2,74 năm nay, còn Vòng quay tổng tài sản tăng lên 1,39 từ con số 1,11 năm trước. Hàng tồn kho tăng từ 605,20 tỷ đồng đầu kỳ tăng lên 1.050,04 tỷ đồng vào cuối năm 2022, thì tăng 73,50%. Trong khi đó, Giá vốn hàng bán cũng tăng trưởng tốt, đạt 2.266.87 tỷ đồng năm 2022, tương ứng tăng 44,59% so với năm trước. Doanh thu thuần năm 2022 ghi nhận đạt 2.976,78 tỷ đồng, tăng gần 900,68 tỷ đồng so với năm 2021, tương ứng tăng 43,38%.



### Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời

Trong năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn mang lại kết quả khả quan. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) tuy có giảm nhẹ nhưng không đáng kể so với năm trước, đạt 7,70%. Trong năm qua, cả Doanh thu thuần và Giá vốn hàng bán đều tăng trưởng mạnh so với năm 2021. Nếu Doanh thu thuần tăng 43,38% thì Giá vốn hàng bán cũng tăng trưởng tương đương với 44,57%. Bên cạnh đó, với sự tăng trưởng nhẹ Tổng tài sản và Vốn Chủ sở hữu thì Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA) và Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (ROAE) đều gia tăng khi lợi nhuận năm nay tăng trưởng tốt từ hoạt động sản xuất kinh doanh.



## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành  
**41.714.614** cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

**41.712.614** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ

**2.000** cổ phiếu



Mệnh giá cổ phần

**10.000** đồng/cổ phiếu



**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| STT | Lần đăng ký       | Thời điểm  | Số lượng cổ phần tăng thêm | Giá trị tăng thêm (đồng) | Lý do                                               | Vốn điều lệ sau tăng (đồng) |
|-----|-------------------|------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Cấp lần đầu       | 09/12/2009 | 8.133.855                  | 81.338.550.000           | Đăng ký lần đầu                                     | 81.338.550.000              |
| 2   | Điều chỉnh lần 1  | 19/07/2010 | 1.624.589                  | 16.245.890.000           | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng tỷ lệ<br>10/2-ĐHCĐTN2010 | 97.584.440.000              |
| 3   | Điều chỉnh lần 2  | 05/10/2011 | 2.924.309                  | 29.243.090.000           | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng tỷ lệ<br>10/3-ĐHCĐTN2011 | 126.827.530.000             |
| 4   | Điều chỉnh lần 3  | 01/08/2012 | 290.000                    | 2.900.000.000            | Đăng ký bổ sung- CP<br>ESOP 2011                    | 129.727.530.000             |
| 5   | Điều chỉnh lần 4  | 28/02/2013 | 310.000                    | 3.100.000.000            | Đăng ký bổ sung- CP<br>ESOP 2012                    | 132.827.530.000             |
| 6   | Điều chỉnh lần 5  | 13/08/2015 | 4.402.683                  | 44.026.830.000           | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng tỷ lệ<br>3/1-ĐHCĐTN2015  | 176.854.360.000             |
| 7   | Điều chỉnh lần 6  | 06/07/2016 | 600.000                    | 6.000.000.000            | Đăng ký bổ sung-<br>Bán ưu đãi CBCNV                | 182.854.360.000             |
| 8   | Điều chỉnh lần 7  | 05/07/2017 | 5.484.753                  | 54.847.530.000           | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng tỷ lệ<br>10/3-ĐHCĐTN2017 | 237.701.890.000             |
| 9   | Điều chỉnh lần 8  | 19/07/2018 | 7.130.166                  | 71.301.660.000           | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng tỷ lệ<br>10/3-ĐHCĐTN2018 | 309.003.550.000             |
| 10  | Điều chỉnh lần 9  | 21/08/2018 | 713.106                    | 7.131.060.000            | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng CBCNV                    | 316.134.610.000             |
| 11  | Điều chỉnh lần 10 | 02/08/2019 | 475.403                    | 4.754.030.000            | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng CBCNV                    | 320.888.640.000             |
| 12  | Điều chỉnh lần 11 | 31/08/2022 | 9.625.750                  | 96.257.500.000           | Đăng ký bổ sung-<br>Thưởng tỷ lệ<br>10/3-ĐHCĐTN2022 | 417.146.140.000             |

Trong năm 2022, Công ty thực hiện phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ thực hiện 10:3. Qua đó, nâng Vốn điều lệ từ 320.888.640.000 đồng lên 417.146.140.000 đồng.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có



## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày: 16/08/2022

| STT              | Loại cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần  | Tỷ lệ sở hữu   |
|------------------|---------------------------|------------------|-------------------|----------------|
| <b>I</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>693</b>       | <b>19.222.732</b> | <b>97,33%</b>  |
| 1                | Cá nhân                   | 669              | 17.707.878        | 42,45%         |
| 2                | Tổ chức                   | 25               | 22.894.045        | 54,88%         |
| <b>II</b>        | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>36</b>        | <b>1.110.691</b>  | <b>2,66%</b>   |
| 1                | Cá nhân                   | 22               | 15.635            | 0,04%          |
| 2                | Tổ chức                   | 14               | 1.095.056         | 2,62%          |
| <b>III</b>       | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       |                  | <b>2.000</b>      | <b>0,01%</b>   |
| <b>Tổng cộng</b> |                           |                  | <b>41.714.614</b> | <b>100,00%</b> |

### Danh sách cổ đông lớn

Tính tại ngày: 16/08/2022

| Tên cổ đông         | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|---------------------|------------------|--------------|
| Công ty CP PAN FARM | 21.379.191       | 51,25%       |



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Ngành nông được cũng như dịch vụ khử trùng có tác động đáng kể đến môi trường xung quanh, từ môi trường nước, các loại sinh vật sống đến sức khỏe của con người... Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam hoạt động trong một lĩnh vực tác động rất lớn đến môi trường. Do đó, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với những yêu cầu về an toàn môi trường. Công ty luôn có các biện pháp kiểm soát chất lượng và quản lý tốt hơn về việc sử dụng các sản phẩm nông được từ khâu sản xuất đến quy trình bảo quản thành phẩm. Qua đó, Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, vừa phát triển được hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo công tác an toàn môi trường.

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm, tổng lượng sản xuất (tính theo thành phẩm) của Công ty là 1.957 tấn. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại các sản phẩm về nông được, thuốc khử trùng. Do đó, nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty là các thành phẩm từ các nhà cung cấp nước ngoài. Là các sản phẩm liên quan đến hóa chất, nên VFC luôn ý thức được việc quản lý công tác vận chuyển cũng như bảo quản các sản phẩm này là quan trọng như thế nào. Qua đó, các công tác trên được Công ty thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt, các sản phẩm được bảo quản đúng quy chuẩn. Ban quản lý các nhà kho, đại lý luôn thường xuyên kiểm tra việc bảo quản các sản phẩm lưu trữ.

### Tiêu thụ năng lượng và nước

| Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----------------------------|-------------|---------|
| Lượng điện tiêu thụ (*)     | kwh         | 178.800 |
| Lượng dầu DO tiêu thụ (*)   | lít         | 3.243   |
| Lượng nước máy sử dụng (**) | m3          | 4.082   |

(\*): Tính cho tất cả các chi nhánh, văn phòng, trại, địa điểm sản xuất kinh doanh trực thuộc công ty (không bao gồm các công ty con, công ty liên kết)

(\*\*): Tính cho tất cả các chi nhánh, văn phòng, trại, địa điểm sản xuất kinh doanh trực thuộc công ty (bao gồm cả công ty con trực tiếp)

Việc tiết kiệm năng lượng là một vấn đề quan trọng đối với xã hội nói chung và các ngành, lĩnh vực kinh doanh nói riêng. Với cam kết phát triển bền vững, VFC đã nỗ lực để tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, Công ty hiểu rõ rằng nước là một tài nguyên quan trọng và thiết yếu cho sự sống của con người và môi trường xung quanh. Vì thế, Công ty đặt mục tiêu quản lý và sử dụng nguồn nước một cách bền vững và hiệu quả.



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

### *Chính sách liên quan đến người lao động*



Tổng nhân sự VFC tính đến ngày 31/12/2022 là 1.394 người. Thu nhập bình quân năm 2022 là 12.000.000 đồng/người/tháng.

Công ty luôn đảm bảo ổn định việc làm cho 100% người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho tất cả cán bộ công nhân tại Công ty như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động. Ngoài ra, Công ty còn có Công đoàn thường xuyên quan tâm, trợ cấp cho người lao động khi gia đình gặp khó khăn, ốm đau,... cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao du lịch, nghỉ mát,... nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên của Công ty.





## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

VFC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quan sạch đẹp tại các nhà máy cũng như văn phòng làm việc. Trong năm, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Nhờ thế, Công ty đã không vi phạm bất kỳ điều gì về pháp luật và các quy định về môi trường trong năm. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, các hoạt động tuyên truyền luôn được thực hiện.

## Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Công ty không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh mà còn dành sự quan tâm và ưu tiên cho các hoạt động cộng đồng. Công ty tin rằng, việc chịu trách nhiệm xã hội sẽ mang lại những thay đổi tích cực và bền vững cho cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Việc thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội là điều cần thiết và không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Là một doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông dược, thuốc khử trùng, bà con nông dân có lẽ là những người đồng hành tin cậy và xuyên suốt nhất đối với VFC. Trong năm, Công ty đã tham gia hỗ trợ, đồng hành cùng bà con nông dân trên nhiều phương diện. Tiêu biểu nhất là Công ty đã tổ chức Chiến dịch “Cùng nông dân vượt qua bão giá”.

Chiến dịch “Cùng nông dân vượt qua bão giá” được VFC triển khai với mục tiêu:

- Cung cấp giải pháp “đầu tư thông minh” kịp thời với mùa vụ và điều kiện đầu tư khó khăn
- Chia sẻ và đồng hành cùng nông dân vượt qua giai đoạn “bão giá” vật tư.







# 3

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|                                                                                |    |
|--------------------------------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh                                 | 68 |
| Tình hình tài chính                                                            | 70 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                          | 73 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai                                            | 74 |
| Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty | 76 |



# “ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ”

## Kết quả kinh doanh thực hiện so với kế hoạch năm 2022

| STT | Chỉ tiêu           | ĐVT     | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2022 | Tỷ lệ TH/KH |
|-----|--------------------|---------|---------------|----------------|-------------|
| 1   | Doanh thu thuần    | Tỷ đồng | 3.150         | 2.976,78       | 94,50%      |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 210           | 229,16         | 109,13%     |

VFC là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong ngành nông dược và thuốc khử trùng. Công ty cũng đã khẳng định được vị thế của mình trong suốt hơn 47 năm qua kể từ khi mới thành lập. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt được sự tăng trưởng qua các năm.

Năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có gặp những khó khăn, thách thức nhất định. Tuy nhiên, kết thúc năm 2022, các chỉ tiêu được đề ra về cơ bản được hoàn thành. Dù Doanh thu thuần chỉ đạt 94,50% so với kế hoạch nhưng Lợi nhuận sau thuế lại ghi nhận đạt 229,16 tỷ đồng, vượt 9,13% so với kế hoạch. Năm qua tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào có sự gia tăng nhất định. Tuy nhiên, với chính sách tăng giá bán hợp lý, Lợi nhuận đạt được vẫn hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

Năm 2022 đánh dấu sự chuyển mình trong mối quan hệ đối tác và nâng tầm chiến lược giữa VFC và Syngenta - sau hơn 25 năm đồng hành và phát triển. Amistar Top 325SC và Virtako 40WG là hai sản phẩm danh tiếng trên thị trường Việt Nam đã được chính thức giao cho VFC phân phối. Tiếp đó, VFC chính thức phân phối Pexena 106SC dạng chai - nắp xanh lá dung tích 20ml từ Syngenta. Đây đều là những sản phẩm chất lượng, góp phần vào sự phát triển của Công ty trong ngành nông dược Việt Nam.









## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



### Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu            | 31/12/2021      |                | 31/12/2022      |                | TH 2022/<br>2021 |
|---------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|------------------|
|                     | Giá trị         | Tỷ trọng       | Giá trị         | Tỷ trọng       |                  |
| Tài sản ngắn hạn    | 1.530,82        | 80,58%         | 2.389,09        | 86,71%         | 156,07%          |
| Tài sản dài hạn     | 368,92          | 19,42%         | 366,17          | 13,29%         | 99,25%           |
| <b>Tổng tài sản</b> | <b>1.899,74</b> | <b>100,00%</b> | <b>2.755,26</b> | <b>100,00%</b> | <b>145,03%</b>   |

Tổng tài sản của Công ty ghi nhận vào cuối kỳ là 2.755.26 tỷ đồng, tăng 45,03% so với cùng thời điểm năm 2021. Tài sản dài hạn trong năm hầu như không có biến động đáng kể. Qua đó, sự đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng Tổng tài sản là sự gia tăng tài sản ngắn hạn. Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn tăng đến 178,52%, từ 212,27 tỷ đồng cuối năm trước lên 591,20 tỷ đồng cuối năm nay. Bên cạnh đó, Hàng tồn kho ghi nhận con số 1.050,04 tỷ đồng vào cuối năm 2022, tăng 73,50% so với đầu kỳ. Là một doanh nghiệp với hoạt động kinh doanh chính là thương mại các sản phẩm nông dược, Tài sản ngắn hạn thông thường chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu Tổng tài sản. Năm qua, việc tăng mạnh tài sản ngắn hạn mà phần lớn đến từ lượng hàng tồn kho cũng như khoản phải thu khách hàng đem đến cho Công ty những rủi ro nhất định trong trường hợp khách hàng chậm thanh toán hoặc hàng tồn kho không được tiêu thụ kịp thời trong thời gian tới. Tuy vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng tập trung vào công tác điều hành, quản lý, tính toán, để ra các giải pháp nhằm cân bằng các khoản phải thu, phải trả với phía nhà cung cấp cũng như các đại lý tiêu thụ sản phẩm của Công ty.



Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Tài sản cố định hữu hình  | Nguyên giá    | Giá trị còn lại | Giá trị còn lại/<br>Nguyên giá |
|---------------------------|---------------|-----------------|--------------------------------|
| Nhà cửa, kiến trúc        | 141,17        | 75,41           | 53,42%                         |
| Máy móc, thiết bị         | 29,43         | 8,82            | 29,97%                         |
| Phương tiện vận tải       | 87,09         | 19,79           | 22,72%                         |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4,32          | 0,21            | 4,78%                          |
| TSCĐ hữu hình khác        | 4,92          | 0,97            | 19,79%                         |
| <b>Cộng</b>               | <b>266,93</b> | <b>105,20</b>   | <b>39,41%</b>                  |

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 79,67 đồng.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Tài sản cố định hữu hình | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | Giá trị còn lại/<br>Nguyên giá |
|--------------------------|--------------|-----------------|--------------------------------|
| Nhà cửa, kiến trúc       | 65,75        | 55,44           | 84,33%                         |
| Máy móc, thiết bị        | 5,15         | 0,91            | 17,62%                         |
| <b>Cộng</b>              | <b>70,90</b> | <b>56,35</b>    | <b>79,48%</b>                  |

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 4,01 tỷ đồng.





## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                | 31/12/2021    |                | 31/12/2022      |                | TH 2022/<br>TH 2021 |
|-------------------------|---------------|----------------|-----------------|----------------|---------------------|
|                         | Giá trị       | Tỷ trọng       | Giá trị         | Tỷ trọng       |                     |
| Nợ ngắn hạn             | 843,98        | 95,82%         | 1.613,83        | 99,86%         | 191,22%             |
| Nợ dài hạn              | 36,82         | 4,18%          | 2,31            | 0,14%          | 6,28%               |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> | <b>880,80</b> | <b>100,00%</b> | <b>1.616,14</b> | <b>100,00%</b> | <b>183,49%</b>      |

Nợ phải trả trong năm 2022 ghi nhận mức gia tăng rất mạnh, tăng từ 880,80 tỷ đồng cuối năm trước lên 1.616,14 tỷ đồng cuối năm nay, tương ứng tăng đến 83,49%. Trong đó, Nợ dài hạn gần giảm gần hết, từ 36,82 tỷ đồng đầu kỳ xuống chỉ còn 2,31 tỷ đồng cuối kỳ. Nguồn Nợ phải trả gần như đều là Nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn cuối năm nay tăng đến 91,22% so với đầu kỳ, đạt 1.613,83 tỷ đồng. Sự tăng mạnh này chủ yếu đến từ sự tăng mạnh khoản phải trả ngắn hạn từ Công ty TNHH Syngenta Việt Nam, khoản phải trả này ghi nhận cuối kỳ là 525,16 tỷ đồng, tăng 121,71% so với đầu kỳ. Bên cạnh đó, với việc mang gần 520.29 tỷ đồng vào việc Đầu tư tài chính ngắn hạn, Công ty đã vay ngắn hạn 182,41 tỷ đồng trong năm 2022 để kịp thời bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, dẫn đến gia tăng Nợ ngắn hạn vào cuối kỳ từ khoản phát sinh này. Các hàng hóa của Công ty phần lớn được nhập khẩu từ các đối tác cung cấp nước ngoài. Năm 2022 cho thấy có nhiều biến động trên thị trường tài chính thế giới. Tỷ giá hối đoái cũng như lãi suất tăng đã khiến nhưng Công ty thương mại như VFC gặp nhiều khó khăn trong việc quản trị dòng tiền và chi phí tài chính.





## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý. Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng Công ty, chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban. Công tác bồi dưỡng cán bộ được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty khuyến khích nâng cao năng lực quản trị, thông qua các báo cáo và hệ thống KPI, Ban lãnh đạo có những điều chỉnh chính sách phù hợp, kịp thời nhằm cắt giảm các chi phí không hiệu quả cũng như nâng cao năng suất làm việc của các bộ phận, phòng ban.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023

Hiện tại Kế hoạch này chưa được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua, Kế hoạch SXKD chính thức sẽ được thể hiện tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

| STT | Chỉ tiêu             | ĐVT     | Kế hoạch 2023 |
|-----|----------------------|---------|---------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng | 3.663         |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 310           |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng | 245           |

### Kế hoạch sản xuất đầu tư 2023

| STT | Hạng mục đầu tư                                                                                        | Đơn vị tính: Tỷ đồng          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                                                                                                        | Dự kiến ngân sách đầu tư 2023 |
| 1   | Thay mới số phương tiện vận tải                                                                        | 10,00                         |
| 2   | Đầu tư phát triển sản phẩm                                                                             | 10,00                         |
| 3   | Đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị tin học và đầu tư công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý hiệu quả | 3,00                          |
| 4   | Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị Nhà máy Long An                                                       | 5,00                          |
| 5   | Đầu tư nâng cấp VP VFC, Chi nhánh                                                                      | 3,00                          |
| 6   | Xây dựng Văn phòng điểm kinh doanh Sông Tiền                                                           | 7,00                          |
| 7   | Tổng ngân sách dự kiến đầu tư                                                                          | 38,00                         |



***Xử lý các vấn đề tồn đọng***

- » Tiếp tục đàm phán giải quyết thương lượng với đối tác về việc mua lại phần vốn góp của đối tác tại Công ty Hải Yến;
- » Tiếp tục xúc tiến việc chào bán khu kho 1,5 ha tại quận 12- thành phố Hồ Chí Minh.

***Các giải pháp thực hiện kế hoạch***

- » Tiếp tục xây dựng, củng cố thương hiệu Công ty.
- » Tổ chức lại hệ thống quản trị kinh doanh, rà soát để cơ cấu lại nguồn lao động, củng cố và bổ sung đội ngũ nhân sự để phục vụ yêu cầu quản lý và kinh doanh trong tình hình mới.
- » Tiếp tục cải tiến công tác tổ chức quản lý và đầu tư các hoạt động marketing hiệu quả.
- » Phát triển thêm sản phẩm mới thuộc bảo vệ thực vật; chú trọng những sản phẩm còn thiếu hoặc yếu.
- » Quản lý và chăm sóc tốt khách hàng nhằm phát triển hệ thống đại lý mạnh và vững chắc.
- » Quản lý tốt công nợ; giảm thiểu rủi ro nợ khó đòi.
- » Nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường.

## **GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

Không có



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)**

Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nông được, giống cây trồng. Đây là một ngành có nhiều yếu tố tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Chính vì vậy, công tác xử lý rác thải các loại, cũng như tối ưu hóa quá trình sản xuất trong các nhà máy nhằm đảm bảo môi trường trong và ngoài các nhà máy luôn an toàn, sạch sẽ, giảm tối đa các hoạt động phát thải khí nhà kính, tiết kiệm nguồn năng lượng, nước tiêu thụ luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty nói chung và Ban điều hành nói riêng.

Công ty có kế hoạch tổ chức các buổi tuyên truyền, qua đó thảo luận, đề xuất các biện pháp cải thiện công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải ngày càng tốt hơn, đề ra các phương án nhằm tiết kiệm năng lượng, nước tiêu thụ, các hoạt động nhằm giảm phát thải khí nhà kính nhiều nhất có thể. Tại khu vực văn phòng, Công ty tổ chức phân loại chất thải để từng người lao động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc.

### **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty. Công ty luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định và tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

### **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Công ty luôn chú trọng đến các chính sách hỗ trợ địa phương như: Thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học tại địa phương, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện... nhằm giúp đỡ cộng đồng, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội lâu dài và bền vững.











# 4

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|                                                                    |    |
|--------------------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động<br>của Công ty | 82 |
|--------------------------------------------------------------------|----|

---

|                                                                                      |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động<br>của Ban Tổng Giám đốc Công ty | 84 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----|

---

|                                                |    |
|------------------------------------------------|----|
| Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 85 |
|------------------------------------------------|----|

---



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022



Năm 2022 là năm phục hồi của nền kinh tế sau thời gian đại dịch Covid - 19 kéo dài. Với sự quyết đoán của HĐQT, sự linh hoạt của Ban điều hành trong việc lựa chọn thời điểm, giá cả thu mua nguyên liệu. Qua đó, mặc dù không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đã vượt kế hoạch 9,05%, cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu           | ĐVT     | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện năm 2022 | So sánh TH với KH |
|-----|--------------------|---------|-------------------|--------------------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu     | Tỷ đồng | 3.150             | 2.976,78           | 94,50%            |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 210               | 229,16             | 109,05%           |

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bên cạnh các chỉ tiêu về phát triển kinh doanh, Hội đồng quản trị cũng luôn có trách nhiệm giám sát, thúc đẩy các hoạt động liên quan đến môi trường, đóng góp xã hội, nhằm hướng đến một sự phát triển toàn diện và bền vững của Công ty trong dài hạn.







## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HDQT luôn theo dõi sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành đã thực hiện theo quy định của Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty

### HDQT đánh giá:

- » Các thành viên trong Ban điều hành đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp;
- » Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới;
- » Ban điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; quan tâm và không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý của Công ty;
- » Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung;
- » Hàng quý, Ban Điều hành tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị để báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, kiểm điểm các công việc chưa thực hiện, đề xuất phương án hoàn thiện hệ thống quản lý và giải pháp thực hiện nhằm triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh do Hội đồng Quản trị đề ra;
- » Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định;
- » Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



| STT | Chỉ tiêu                     | ĐVT     | Kế hoạch năm 2023 |
|-----|------------------------------|---------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu               | Tỷ đồng | 3.663             |
| 2   | Lợi nhuận kế toán trước thuế | Tỷ đồng | 310               |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế           | Tỷ đồng | 246               |







# 5

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

|                   |    |
|-------------------|----|
| Hội đồng quản trị | 86 |
|-------------------|----|

---

|               |    |
|---------------|----|
| Ban Kiểm soát | 92 |
|---------------|----|

---

|                                                                                                          |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của<br>Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát | 94 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|



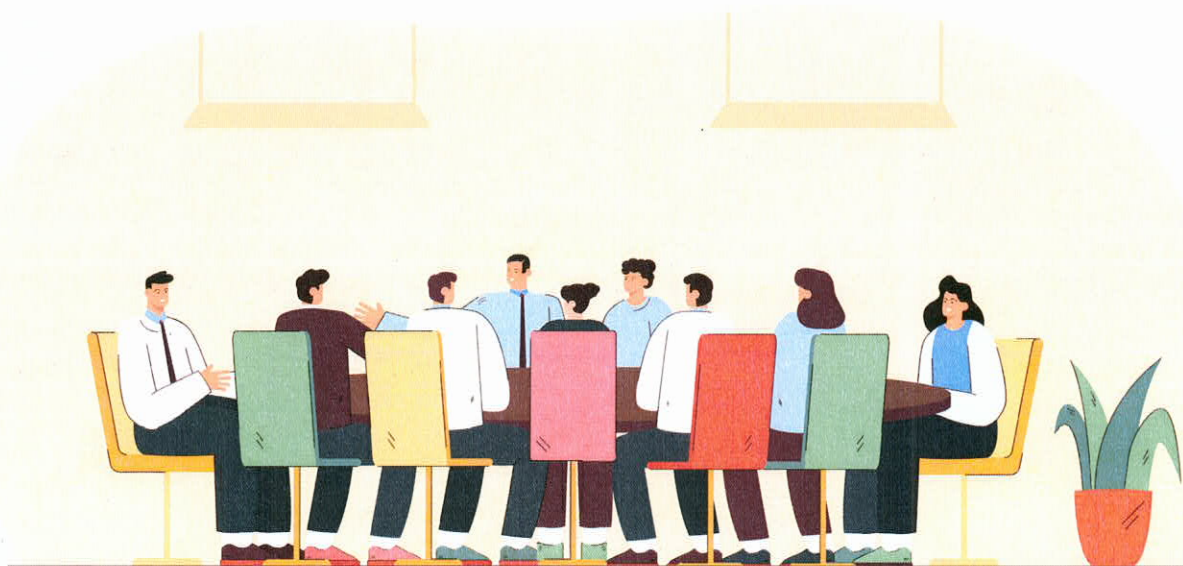
## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị gồm 06 thành viên. HĐQT đã tổ chức họp định kỳ theo quy định mỗi quý một lần và các lần lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các công việc thường xuyên và cấp bách. HĐQT mời Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp. Vì vậy, công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

### Danh sách thành viên và các cuộc họp Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên              | Chức vụ                 | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|-------------------------|-------------------------|-------------------|--------------|--------------------------|-------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Bạch Tuyết    | Chủ tịch HĐQT           | 565.068           | 1,35%        | 6/6                      | 100%              |
| 2   | Ông Trương Công Cứ      | Thành viên HĐQT         | 779.751           | 1,87%        | 6/6                      | 100%              |
| 3   | Ông Trần Văn Dũng       | Thành viên HĐQT         | 33.995            | 0,08%        | 6/6                      | 100%              |
| 4   | Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên HĐQT         | -                 | -            | 6/6                      | 100%              |
| 5   | Ông Nguyễn Thanh Tùng   | Thành viên HĐQT độc lập | -                 | -            | 6/6                      | 100%              |
| 6   | Ông Mai Tuấn Anh        | Thành viên HĐQT độc lập | 14.069            | 0,03%        | 6/6                      | 100%              |

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị năm 2022: Không có





Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và 02 xin ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết, Quyết định được ban hành tương ứng như sau:

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/2022/NQ-HĐQT           | 19/01/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Báo cáo tài chính quý 04/2021 và kết quả kinh doanh trong năm 2021<br>+ Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công Ty với ông Trần Văn Dũng<br>+ Bổ nhiệm ông Trần Văn Dũng đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty<br>+ Bổ nhiệm bà Phạm Thị Ngọc Phương đảm nhận chức danh Kế toán trưởng Công ty<br>+ Bổ nhiệm ông Đào Xuân Trọng đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2   | 03/QĐ/VFC-HĐQT            | 20/01/2022 | Quyết định về việc:<br>+ Miễn nhiệm kế toán trưởng Công ty với ông Trần Văn Dũng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3   | 04/QĐ/VFC-HĐQT            | 20/01/2022 | Quyết định về việc:<br>+ Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Ngọc Phương đảm nhận chức danh Kế toán trưởng Công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 4   | 05/QĐ/VFC-HĐQT            | 20/01/2022 | Quyết định về việc:<br>+ Bổ nhiệm Ông Trần Văn Dũng đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5   | 06/QĐ/VFC-HĐQT            | 20/01/2022 | Quyết định về việc:<br>+ Bổ nhiệm Ông Đào Xuân Trọng đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám Đốc Công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 6   | 09/2022/NQ-HĐQT           | 10/03/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 7   | 12/2022/NQ-HĐQT           | 05/04/2022 | Nghị quyết thông qua các nội dung:<br>1. Dự thảo Báo cáo của Hội đồng quản trị 2021 ;<br>2. Dự thảo Báo cáo Tài chính năm 2021 đã kiểm toán;<br>3. Dự thảo báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021<br>4. Dự thảo Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021<br>5. Dự thảo Tờ trình phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu;<br>6. Dự thảo Tờ trình Kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2022;<br>7. Dự thảo Tờ trình về mức thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban kiểm soát năm 2022<br>8. Dự thảo Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;<br>9. Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT;<br>10. Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS;<br>11. Dự thảo Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên BKS. |



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên và các cuộc họp Hội đồng quản trị

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8   | 14/2022/NQ-HĐQQT         | 19/04/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Báo cáo Tài chính Quý 1/2022                                                                                                                                                                                  |
| 9   | 19/2022/NQ-HĐQQT         | 04/05/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2021.                                                                                                                                                                        |
| 10  | 21/2022/NQ-HĐQT          | 16/05/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Thông qua Phương án phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu Công ty                                                                                                                                        |
| 11  | 26/2022/NQ-HĐQT          | 19/07/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Báo cáo hợp nhất Quý 2/2022 và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022<br>+ Mức chi trả cổ tức đợt 1 năm 2022                                                                                                 |
| 12  | 42/2022/NQ-HĐQT          | 29/08/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Việc tăng vốn điều lệ<br>+ Niêm yết cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu<br>+ Thay đổi tăng ký doanh nghiệp                                                                                             |
| 13  | 49/2022/NQ-HĐQT          | 04/10/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Điều lệ điều lệ (Sửa đổi)                                                                                                                                                                                     |
| 14  | 50/2022/NQ-HĐQT          | 18/10/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Báo cáo hợp nhất Quý 3/2022 và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022<br>+ Quy chế Công bố thông tin<br>+ Chấp thuận bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Kiên là người phụ trách quản trị Công ty và kiêm thư ký Công ty |
| 15  | 51/2022/QĐ-HĐQT          | 18/10/2022 | Quyết định thông qua:<br>+ Ban hành Quy chế Công bố thông tin                                                                                                                                                                            |
| 16  | 52/2022/QĐ-HĐQT          | 18/10/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Kiên là Người phụ trách quản trị Công ty                                                                                                                                              |
| 17  | 53/2022/NQ-HĐQT          | 18/10/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Giao dịch năm 2022 của Công ty với người có liên quan                                                                                                                                                         |
| 18  | 57/2022/NQ-HĐQT          | 18/10/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Phương án chuyển nhượng phần vốn sở hữu Công ty con (VFC CamBo)                                                                                                                                               |
| 19  | 62/2022/NQ-HĐQT          | 10/08/2022 | Nghị quyết thông qua:<br>+ Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT<br>+ Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ                                                                                                                         |



## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

### Cơ cấu và hoạt động

- Trong năm 2022, HĐQT có tất cả 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập, phù hợp với quy định của Điều Lệ, Quy Chế Hoạt Động của HĐQT (QCHĐQT) và quy định của pháp luật có liên quan.
- Năm 2022, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp, bao gồm 04 phiên họp định kỳ hằng quý và 02 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ, tuân thủ quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật. Nội dung các cuộc họp được ghi chép và lưu giữ theo quy định của pháp luật.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, xây dựng hệ thống quản lý trong công ty đều được thảo luận tại cuộc họp HĐQT và được HĐQT kiểm tra, giám sát, điều chỉnh kịp thời việc thực hiện thông qua hoạt động và báo cáo của các thành viên điều hành (TGD, Phó TGD) và các thành viên có chức danh quản lý khác.

### Đánh giá

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2022 đã tuân thủ quy định tại Điều Lệ công ty, QCHĐQT và các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết. Thành viên độc lập không phát hiện bất kỳ vi phạm nào tại HĐQT có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của VFC.
- Thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch, đúng pháp luật. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ, đảm bảo nguyên tắc cần trọng để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT trong việc tham gia các cuộc họp HĐQT, lấy ý kiến thành viên, thảo luận, biểu quyết một cách độc lập vì lợi ích cao nhất của công ty.
- HĐQT đã hoàn thành tốt vai trò hỗ trợ ban điều hành VFC, đảm bảo công ty hoạt động đúng pháp luật, duy trì được vị trí dẫn đầu thị trường đối với sản phẩm dịch vụ mà công ty có thể mạnh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trong bối cảnh diễn biến phức tạp của thị trường trong nước và thế giới trong năm 2022.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

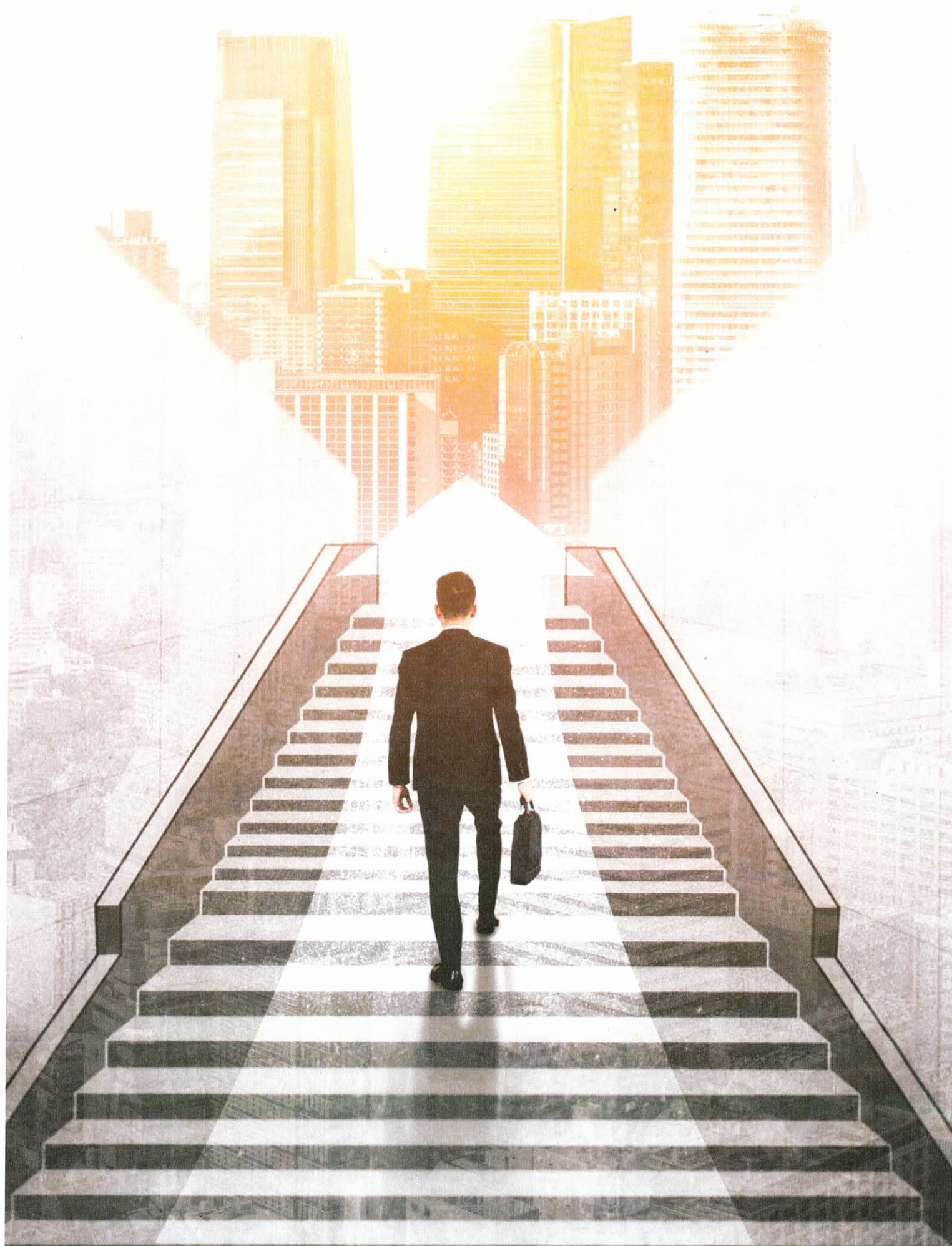
### Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng các cán bộ quản lý Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Ngày 10/08/2022, Hội đồng-quản trị ra nghị quyết thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

#### Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ tại VFG được thiết lập để thực hiện hoạt động đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan nhằm gia tăng giá trị và cải thiện các hoạt động của công ty, giúp cho công ty đạt được các mục tiêu của mình bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận có tính nguyên tắc và hệ thống nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, kiểm soát và quản trị.
- Trong năm 2022, VFG đã hoàn thiện việc xây dựng khung chính sách cho hoạt động kiểm toán nội bộ phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty, bao gồm đầy đủ: quy chế, quy trình, biểu mẫu, công cụ cho hoạt động kiểm toán nội bộ... Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán các đơn vị chức năng theo kế hoạch kiểm toán được HĐQT phê duyệt. Kết quả kiểm toán được báo cáo HĐQT, BTGD với nội dung là những đánh giá, kết luận về các quy trình được kiểm toán; từ đó đưa ra ý kiến này về các yếu kém, tồn tại, sai sót, vi phạm và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm; đề xuất các biện pháp hợp lý hóa, cải tiến, hoàn thiện chính sách quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.
- Với phương pháp thực hiện kiểm toán theo “định hướng rủi ro”, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao, Ban Kiểm toán nội bộ VFG đã đánh giá rủi ro trên cơ sở chiến lược, mục tiêu SXKD, toàn diện các hoạt động, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc của Công ty để xây dựng kế hoạch kiểm toán trung hạn (2022 - 2024). Kế hoạch kiểm toán trung hạn đã được Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc xem xét, cho ý kiến, trước khi trình Hội đồng Quản trị phê duyệt, để làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2023 và các năm tiếp theo.







## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách Ban Kiểm soát và các cuộc họp của Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên           | Chức vụ    | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu | Số buổi họp HĐQT tham dự | Ghi chú                                  |
|-----|----------------------|------------|-------------------|--------------|--------------------------|------------------------------------------|
| 1   | Ông Võ Văn Quốc      | Trưởng BKS | -                 | -            | 4/4                      |                                          |
| 2   | Ông Nguyễn Anh Tuấn* | TV BKS     | -                 | -            | 2/2                      | Trở thành thành viên BKS ngày 29/04/2022 |
| 3   | Bà Phan Thị Bích Lan | TV BKS     | -                 | -            | 4/4                      |                                          |

(\*): Ông Nguyễn Anh Tuấn là đại diện vốn của Công ty CP PAN FARM (cổ đông lớn). Số lượng cổ phần đại diện là 21.379.191 cổ phần, chiếm 51,25% VDL Công ty.

Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 Ban Kiểm Soát đã tổ chức 04 cuộc họp:

#### Họp định kỳ ngày 19/01/2022 về việc:

- Xem xét dự thảo báo cáo tài chính quý 04/2021
- Xem xét công tác nhân sự Ban điều hành và Kế toán trưởng công ty
- Xem xét việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ

#### Họp định kỳ ngày 05/04/2022 về việc:

- Xem xét các nội dung báo cáo và tờ trình chuẩn bị Đại hội cổ đông năm 2022

#### Họp định kỳ ngày 19/07/2022 về việc:

- Xem xét dự thảo báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2022 và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm.
- Xem xét tạm ứng cổ tức đợt 1/2022

#### Họp định kỳ ngày 18/10/2022 về việc:

- Xem xét dự thảo báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2022 và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm
- Xem xét Quy chế công bố thông tin.
- Xem xét bổ nhiệm người quản trị Công ty
- Giao dịch năm 2022 của Công Ty với người có liên quan
- Xem xét thành lập Ban kiểm toán nội bộ

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2022, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để thảo luận, trao đổi thông tin giữa các thành viên nhằm triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD Công ty; thực hiện công tác thẩm tra, đánh giá hoạt động tài chính kế toán và BCTC.





### ***Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác***

Trong hoạt động năm 2022, BKS được HĐQT và Ban TGD tạo điều kiện thuận lợi để tham gia và chủ động cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT, các BCTC quý, năm; BKS cùng HĐQT và Ban TGD Công ty thực hiện sự phối hợp nhiệm vụ, chia sẻ, nắm bắt kịp thời thông tin liên quan đến tình hình và hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty, được tạo điều kiện tiếp xúc, trao đổi với các phòng Ban chức năng và tham gia xem xét các vấn đề trong quá trình hoạt động và qua đó BKS đóng góp ý kiến, tham vấn cho HĐQT và Ban TGD; BKS cũng phối hợp với thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình, BKS phụ trách giám sát mảng tài chính kế toán công ty, đã tổ chức làm việc với Ban TGD và phòng Tài chính kế toán công ty về chi tiết các vấn đề liên quan đến tổ chức Hệ thống kế toán, vận hành phần mềm kế toán và một số khoản mục tài chính quan trọng



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

*Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*

*Đơn vị tính: Đồng/năm*

| STT                                              | HỌ VÀ TÊN               | CHỨC VỤ                                | NĂM 2022      | NĂM 2021      |
|--------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> |                         |                                        |               |               |
| 1                                                | Bà Nguyễn Bạch Tuyết    | Chủ tịch HĐQT                          | 4.219.865.000 | 4.316.612.000 |
| 2                                                | Ông Trương Công Cứ      | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc     | 4.179.621.000 | 4.260.012.000 |
| 3                                                | Ông Trần Văn Dũng       | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 3.167.704.000 | 1.617.000.000 |
| 4                                                | Ông Nguyễn Thanh Tùng   | Thành viên HĐQT                        | 629.540.000   | 746.000.000   |
| 5                                                | Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên HĐQT                        | 629.540.000   | 746.000.000   |
| 6                                                | Ông Mai Tuấn Anh        | Thành viên HĐQT                        | 629.540.000   | 267.000.000   |
| 7                                                | Ông Đào Xuân Trọng      | Phó Tổng Giám đốc                      | 1.651.175.000 | -             |
| <b>II. BAN KIỂM SOÁT</b>                         |                         |                                        |               |               |
| 1                                                | Ông Võ Văn Quốc         | Trưởng BKS                             | 304.000.000   | 280.000.000   |
| 2                                                | Ông Nguyễn Anh Tuấn     | Thành viên BKS                         | 133.000.000   | -             |
| 3                                                | Bà Phan Thị Bích Lan    | Thành viên BKS                         | 93.000.000    | 140.000.000   |
| 4                                                | Ông Nguyễn Khánh Quỳnh* | Thành viên BKS                         | 30.000.000    | 140.000.000   |

(\*): Miễn nhiệm ngày 29/04/2022

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Không có



Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm:

| STT | Bên liên quan                          | Mối quan hệ liên quan với Công ty                                               | Số Giấy Chứng nhận ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính                                                                    |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH Hải Yến                   | Tổ chức có liên quan<br>Người Nội Bộ (Nguyễn Bạch Tuyết)                        | 4200586780              | 50 Trần Phú Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Khánh Hòa                                     |
| 2   | CTCP Tập đoàn PAN                      | Tổ chức có liên quan<br>Người nội bộ (Nguyễn Vũ Thùy Hương & Nguyễn Anh Tuấn)   | 0301472704              | Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, Long An                         |
| 3   | CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam | Cùng chung Công ty mẹ<br>Tổ chức có liên quan<br>Người Nội Bộ (Nguyễn Tuấn Anh) | 0101449271              | Số 1, Lương Định của, Đống Đa, Hà Nội                                                   |
| 4   | CTCP PAN FARM                          | Công ty mẹ<br>Tổ chức có liên quan<br>Người Nội Bộ (Nguyễn Tuấn Anh)            | 0107519768              | Tầng 15, Tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam |



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên tổ chức                            | Loại giao dịch                        | Thời điểm | Giá trị        |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------|-----------|----------------|
| 1   | Công ty TNHH Hải Yến                   | VFG làm Dịch vụ PCO, hàng hóa         | Năm 2022  | 163.690.000    |
|     |                                        | VFG chi trả phí dịch vụ NOVOTEL       | Năm 2022  | 817.431.512    |
| 2   | CTCP Tập đoàn PAN                      | VFG làm Dịch vụ PCO                   | Năm 2022  | 16.792.184     |
|     |                                        | VFG chi trả phí dịch vụ               | Năm 2022  | 122.062.500    |
| 3   | CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam | VFG làm Dịch vụ khử trùng, bán vật tư | Năm 2022  | 1.869.495.000  |
| 4   | CTCP PAN FARM                          | VFG làm Dịch vụ PCO                   | Năm 2022  | 4.320.000      |
|     |                                        | VFG trả cổ tức                        | Năm 2022  | 41.113.830.000 |

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Không có

### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty năm 2022

Việc quản trị công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.











# 6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

---

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã kiểm toán

100

---



## Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



**CÔNG TY CỔ  
PHẦN KHỬ  
TRÙNG VIỆT  
NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM  
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=1,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG  
VIỆT NAM,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
0302327629  
Reason: I am approving this document  
Location: your signing location here  
Date: 2023.03.17 10:17:54+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0



# Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

## MỤC LỤC

|                                      | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung                      | 1            |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 2            |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 3 - 4        |
| Bảng cân đối kế toán                 | 5 - 7        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 9 - 10       |
| Thuyết minh báo cáo tài chính        | 11 - 36      |



# Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn. Vào ngày 3 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; bán giống cây trồng, cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                         |            |
|-------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Bạch Tuyết    | Chủ tịch   |
| Ông Trương Công Cứ      | Thành viên |
| Ông Trần Văn Dũng       | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng   | Thành viên |
| Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên |
| Ông Mai Tuấn Anh        | Thành viên |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |            |                                   |
|----------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Võ Văn Quốc      | Trưởng ban |                                   |
| Bà Phan Thị Bích Lan | Thành viên |                                   |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn  | Thành viên | bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022 |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Ông Trương Công Cứ   | Tổng Giám đốc     |
| Bà Nguyễn Bạch Tuyết | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Dũng    | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đào Xuân Trọng   | Phó Tổng Giám đốc |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Bạch Tuyết.

Ông Trương Công Cứ được Bà Nguyễn Bạch Tuyết ủy quyền để ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2018.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trương Công Cử  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2023



Số tham chiếu: 61607476/22988848

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính trình bày việc Công ty không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, do Công ty không có công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|----------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>2.387.283.735.919</b> | <b>1.530.821.203.973</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>4</b>    | <b>208.420.873.572</b>   | <b>692.146.001.851</b>   |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 208.420.873.572          | 192.146.001.851          |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | -                        | 500.000.000.000          |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>520.288.056.000</b>   | <b>288.056.000</b>       |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5           | 520.288.056.000          | 288.056.000              |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>599.150.447.617</b>   | <b>230.241.590.187</b>   |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 6.1         | 591.204.827.031          | 212.270.284.721          |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 6.2         | 5.799.521.176            | 4.737.734.281            |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 7           | 14.053.126.199           | 30.060.227.653           |
| 137        | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 6.3         | (11.907.026.789)         | (16.826.656.468)         |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>9</b>    | <b>1.050.249.601.987</b> | <b>605.202.380.985</b>   |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 1.074.685.031.364        | 658.501.267.514          |
| 149        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            |             | (24.435.429.377)         | (53.298.886.529)         |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>9.174.756.743</b>     | <b>2.943.174.950</b>     |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 13          | 2.239.600.372            | 1.647.549.113            |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 6.935.156.371            | 1.295.625.837            |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                              | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>            |             | <b>369.187.040.200</b>   | <b>368.923.980.800</b>   |
| <b>210</b> | <b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>     |             | <b>1.108.639.149</b>     | <b>1.472.168.891</b>     |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác             |             | 1.108.639.149            | 1.472.168.891            |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>           |             | <b>161.556.290.208</b>   | <b>161.361.436.021</b>   |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình          | 10          | 105.202.196.451          | 107.775.233.019          |
| 222        | Nguyên giá                           |             | 266.935.666.357          | 260.680.509.289          |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế              |             | (161.733.469.906)        | (152.905.276.270)        |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình           | 11          | 56.354.093.757           | 53.586.203.002           |
| 228        | Nguyên giá                           |             | 70.899.565.648           | 67.268.919.652           |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế               |             | (14.545.471.891)         | (13.682.716.650)         |
| <b>230</b> | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>      | <b>12</b>   | <b>15.621.448.705</b>    | <b>20.450.107.955</b>    |
| 231        | 1. Nguyên giá                        |             | 27.647.980.011           | 31.716.634.011           |
| 232        | 2. Giá trị hao mòn lũy kế            |             | (12.026.531.306)         | (11.266.526.056)         |
| <b>250</b> | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>  | <b>14</b>   | <b>179.514.814.098</b>   | <b>181.395.264.098</b>   |
| 251        | 1. Đầu tư vào công ty con            |             | -                        | 11.162.600.000           |
| 252        | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh     |             | 179.514.814.098          | 179.514.814.098          |
| 253        | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác    |             | -                        | 2.249.390.000            |
| 254        | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn |             | -                        | (11.531.540.000)         |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>       |             | <b>11.385.848.040</b>    | <b>4.245.003.835</b>     |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn         | 13          | 11.385.848.040           | 4.245.003.835            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>             |             | <b>2.756.470.776.119</b> | <b>1.899.745.184.773</b> |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                                     | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|---------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                         |             | <b>1.617.174.053.920</b> | <b>880.797.350.780</b>   |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                         |             | <b>1.614.862.991.244</b> | <b>843.981.375.179</b>   |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 15.1        | 701.223.547.886          | 400.891.666.060          |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 15.2        | 863.741.426              | 843.969.778              |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 16          | 25.404.969.130           | 15.099.856.736           |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 108.451.983.446          | 46.534.879.768           |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 17          | 396.281.086.649          | 209.525.162.006          |
| 318        | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                          |             | 1.228.639.720            | 3.071.599.300            |
| 319        | 7. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 18          | 166.105.963.264          | 137.477.443.311          |
| 320        | 8. Vay ngắn hạn                                               | 19          | 182.407.561.586          | -                        |
| 322        | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 20          | 32.895.498.137           | 30.536.798.220           |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                         |             | <b>2.311.062.676</b>     | <b>36.815.975.601</b>    |
| 337        | 1. Phải trả dài hạn khác                                      | 18          | 2.311.062.676            | 36.815.975.601           |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      |             | <b>1.139.296.722.199</b> | <b>1.018.947.833.993</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>21</b>   | <b>1.139.296.722.199</b> | <b>1.018.947.833.993</b> |
| 411        | 1. Vốn cổ phần                                                |             | 417.146.140.000          | 320.888.640.000          |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 417.146.140.000          | 320.888.640.000          |
| 415        | 2. Cổ phiếu quỹ                                               |             | (20.000.000)             | (20.000.000)             |
| 418        | 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      |             | 203.462.343.942          | 203.462.343.942          |
| 420        | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                              |             | 20.188.402.492           | 20.756.254.252           |
| 421        | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 498.519.835.765          | 473.860.595.799          |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 330.178.098.937          | 363.594.645.445          |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 168.341.736.828          | 110.265.950.354          |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>2.756.470.776.119</b> | <b>1.899.745.184.773</b> |

Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập/ Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2023



Trương Công Cừ  
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số    | CHỈ TIÊU                                            | Thuyết minh | Năm nay                             | Năm trước                           |
|----------|-----------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 01       | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ           | 22.1        | 3.250.924.265.573                   | 2.224.437.842.861                   |
| 02       | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                     | 22.1        | (274.143.185.651)                   | (148.332.169.449)                   |
| 10       | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 22.1        | 2.976.781.079.922                   | 2.076.105.673.412                   |
| 11       | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp             | 23          | (2.266.659.449.617)                 | (1.567.841.703.146)                 |
| 20       | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ    |             | 710.121.630.305                     | 508.263.970.266                     |
| 21       | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                    | 22.2        | 56.288.455.867                      | 35.739.161.183                      |
| 22<br>23 | 7. Chi phí tài chính<br>- Trong đó: Chi phí lãi vay | 24          | (37.619.557.680)<br>(9.626.305.429) | (29.354.676.648)<br>(5.494.574.217) |
| 25       | 8. Chi phí bán hàng                                 | 25          | (388.581.305.582)                   | (272.368.161.162)                   |
| 26       | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                     | 26          | (54.535.187.552)                    | (38.700.263.685)                    |
| 30       | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         |             | 285.674.035.358                     | 203.580.029.954                     |
| 31       | 11. Thu nhập khác                                   | 27          | 5.300.472.688                       | 4.133.580.442                       |
| 32       | 12. Chi phí khác                                    | 27          | (3.293.578.343)                     | (2.143.050.552)                     |
| 40       | 13. Lợi nhuận khác                                  | 27          | 2.006.894.345                       | 1.990.529.890                       |
| 50       | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               |             | 287.680.929.703                     | 205.570.559.844                     |
| 51       | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 29.1        | (58.516.694.305)                    | (40.519.372.454)                    |
| 60       | 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN                         |             | 229.164.235.398                     | 165.051.187.390                     |
| 70       | 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 21.4        | 4.805                               | 3.430                               |
| 71       | 18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                      | 21.4        | 4.805                               | 3.430                               |

Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập/ Kế toán trưởng



Trương Công Cử  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                                                                   | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>01</b> | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                          |             |                          |                        |
|           | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                                   |             | <b>287.680.929.703</b>   | <b>205.570.559.844</b> |
|           | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                           |             |                          |                        |
| 02        | Khấu hao và hao mòn                                                                        | 10, 11, 12  | 21.500.002.254           | 20.262.918.370         |
| 03        | (Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng                                                    |             | (34.152.041.831)         | 13.507.232.889         |
| 04        | Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | 3.291.261.149            | (800.504.444)          |
| 05        | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                    |             | (31.760.624.653)         | (20.045.391.921)       |
| 06        | Chi phí lãi vay                                                                            | 24          | 9.626.305.429            | 5.494.574.217          |
| <b>08</b> | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                       |             | <b>256.185.832.051</b>   | <b>223.989.388.955</b> |
| 09        | (Tăng) giảm các khoản phải thu                                                             |             | (368.250.911.287)        | 194.189.475.406        |
| 10        | (Tăng) giảm hàng tồn kho                                                                   |             | (416.183.763.850)        | 84.320.836.957         |
| 11        | Tăng các khoản phải trả                                                                    |             | 537.743.929.474          | 329.728.053.311        |
| 12        | (Tăng) giảm chi phí trả trước                                                              |             | (7.732.895.464)          | 1.417.937.220          |
| 14        | Tiền lãi vay đã trả                                                                        |             | (7.295.542.193)          | (5.735.754.615)        |
| 15        | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                          | 16          | (58.980.305.303)         | (36.033.986.683)       |
| 17        | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                     |             | (18.491.997.700)         | (14.877.025.133)       |
| <b>20</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>                         |             | <b>(83.005.654.272)</b>  | <b>776.998.925.418</b> |
|           | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                             |             |                          |                        |
| 21        | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định                                              |             | (16.866.197.191)         | (9.174.581.354)        |
| 22        | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định                                                       |             | 3.604.319.090            | 7.294.877.226          |
| 23        | Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                                |             | (520.000.000.000)        | (288.056.000)          |
| 26        | Tiền thu từ chuyển nhượng vốn đầu tư vào các công ty khác                                  |             | 1.720.305.000            | -                      |
| 27        | Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức                                               |             | 27.690.686.347           | 13.051.288.477         |
| <b>30</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>                             |             | <b>(503.850.886.754)</b> | <b>10.883.528.349</b>  |





Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                   | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|-------|------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>         |             |                          |                          |
| 33    | Tiền thu từ đi vay                                         |             | 839.773.620.117          | 535.189.176.304          |
| 34    | Tiền chi trả nợ gốc vay                                    |             | (657.366.058.531)        | (865.470.163.517)        |
| 36    | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu                               | 21.2        | (79.277.280.000)         | (95.091.163.850)         |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính |             | <b>103.130.281.586</b>   | <b>(425.372.151.063)</b> |
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                            |             | <b>(483.726.259.440)</b> | <b>362.510.302.704</b>   |
| 60    | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm                 |             | <b>692.146.001.851</b>   | <b>329.617.843.849</b>   |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ    |             | 1.131.161                | 17.855.298               |
| 70    | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm                | 4           | <b>208.420.873.572</b>   | <b>692.146.001.851</b>   |



Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập/ Kế toán trưởng



Trương Công Cử  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn. Vào ngày 3 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; bán giống cây trồng, cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.394 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.213).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ sở hữu trong Công ty TNHH MTV VFC Cambo – công ty con duy nhất trước đây của Công ty (Thuyết minh số 14). Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có công ty con và không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như theo quy định tại Điều 48, Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã thông báo tới Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc thay đổi mô hình công ty từ mô hình có công ty con sang mô hình không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc và loại báo cáo tài chính công bố thông tin từ loại "báo cáo tài chính riêng" của Công ty và "báo cáo tài chính hợp nhất" của Công ty và các công ty con sang loại "báo cáo tài chính" của Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                                    |                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ      | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                                                                                                                               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

#### 3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

|                        |        |
|------------------------|--------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 năm |
|------------------------|--------|

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

#### 3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                               |             |
|-------------------------------|-------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc      | 5 - 50 năm  |
| Máy móc và thiết bị           | 5 - 7 năm   |
| Phương tiện vận tải           | 6 - 10 năm  |
| Thiết bị quản lý              | 3 - 7 năm   |
| Tài sản khác                  | 3 - 6 năm   |
| Phần mềm                      | 2 - 5 năm   |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 20 - 50 năm |

#### 3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.12 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên doanh*

Khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ các hoạt động theo yêu cầu của Công ty.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nếu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | VND                           |                               |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                            | Số cuối năm                   | Số đầu năm                    |
| Tiền mặt                   | 556.137.520                   | 1.202.782.685                 |
| Tiền gửi ngân hàng         | 207.864.736.052               | 190.943.219.166               |
| Các khoản tương đương tiền | -                             | 500.000.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b><u>208.420.873.572</u></b> | <b><u>692.146.001.851</u></b> |

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba (3) tháng đến dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,45%/năm đến 6,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

### 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                   | VND                    |                        |
|---------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)     | 28.512.000             | 21.213.125.824         |
| Phải thu từ các bên khác                          | 591.176.315.031        | 191.057.158.897        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>591.204.827.031</b> | <b>212.270.284.721</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi | (10.161.282.777)       | (16.105.912.773)       |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                              | <b>581.043.544.254</b> | <b>196.164.371.948</b> |

### 6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                   | VND                  |                      |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Công ty TNHH Lữ Hành Quốc Tế TTC  | 2.100.000.000        | -                    |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Tam Phú | 850.000.000          | 850.000.000          |
| Các nhà cung cấp khác             | 2.849.521.176        | 3.887.734.281        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>5.799.521.176</b> | <b>4.737.734.281</b> |

### 6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn và phải thu khác khó đòi:

|                                      | VND             |                  |
|--------------------------------------|-----------------|------------------|
|                                      | Năm nay         | Năm trước        |
| Số đầu năm                           | 16.826.656.468  | 22.403.685.319   |
| Dự phòng trích lập trong năm         | 3.970.164.818   | 10.504.692.975   |
| Sử dụng/hoàn nhập dự phòng trong năm | (8.277.377.267) | (16.081.721.826) |
| Xóa sổ trong năm                     | (612.417.230)   | -                |
| Số cuối năm                          | 11.907.026.789  | 16.826.656.468   |

## 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

|                                         | VND                   |                       |
|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                         | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Phải thu chi hộ thuế thu nhập cá nhân   | 5.224.439.045         | 2.660.050.699         |
| Tạm ứng cho nhân viên                   | 1.935.196.133         | 3.079.334.745         |
| Ký quỹ, ký cược                         | 743.773.173           | 1.294.807.825         |
| Phải thu hỗ trợ xử lý hàng tồn kho      | -                     | 12.595.425.065        |
| Khác                                    | 6.149.717.848         | 10.430.609.319        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        | <b>14.053.126.199</b> | <b>30.060.227.653</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi | (1.745.744.012)       | (720.743.695)         |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                    | <b>12.307.382.187</b> | <b>29.339.483.958</b> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

|                                              | Số cuối năm           |                         |                        | Số đầu năm            |                         |                        | VND |
|----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-----|
|                                              | Nợ gốc                | Dự phòng                | Giá trị có thể thu hồi | Nợ gốc                | Dự phòng                | Giá trị có thể thu hồi |     |
| Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 4.165.601.212         | (1.249.680.364)         | 2.915.920.848          | 12.413.167.808        | (3.723.950.342)         | 8.689.217.466          |     |
| Quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm   | 3.500.396.066         | (1.750.198.036)         | 1.750.198.030          | 8.160.367.010         | (4.080.183.505)         | 4.080.183.505          |     |
| Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm   | 5.879.340.002         | (4.115.538.004)         | 1.763.801.998          | 521.404.095           | (364.982.866)           | 156.421.229            |     |
| Quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên          | 4.791.610.385         | (4.791.610.385)         | -                      | 8.657.539.755         | (8.657.539.755)         | -                      |     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                             | <b>18.336.947.665</b> | <b>(11.907.026.789)</b> | <b>6.429.920.876</b>   | <b>29.752.478.668</b> | <b>(16.826.656.468)</b> | <b>12.925.822.200</b>  |     |

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

|                                     | Số cuối năm              |                         | Số đầu năm             |                         |
|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                     | Giá gốc                  | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |
| Hàng hóa                            | 671.301.067.844          | (5.993.762.124)         | 239.471.482.679        | (18.099.007.546)        |
| Nguyên vật liệu                     | 302.575.411.985          | (7.324.689.521)         | 311.342.656.794        | (34.294.537.122)        |
| Thành phẩm                          | 76.111.425.344           | (11.116.977.732)        | 53.879.926.655         | (905.341.861)           |
| Hàng mua đang đi đường              | 11.752.135.200           | -                       | 40.384.416.788         | -                       |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 9.082.598.620            | -                       | 11.209.425.621         | -                       |
| Công cụ, dụng cụ                    | 3.862.392.371            | -                       | 2.213.358.977          | -                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>1.074.685.031.364</b> | <b>(24.435.429.377)</b> | <b>658.501.267.514</b> | <b>(53.298.886.529)</b> |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

|                                       | VND              |                  |
|---------------------------------------|------------------|------------------|
|                                       | Năm nay          | Năm trước        |
| Số đầu năm                            | 53.298.886.529   | 33.692.674.789   |
| Dự phòng trích lập trong năm          | 9.308.802.520    | 46.911.675.776   |
| Sử dụng/ hoàn nhập dự phòng trong năm | (38.172.259.672) | (27.305.464.036) |
| Số cuối năm                           | 24.435.429.377   | 53.298.886.529   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                                 | VND                                 |                                |                                |                               |               |                  |
|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------------|------------------|
|                                 | <i>Nhà cửa và<br/>vật kiến trúc</i> | <i>Máy móc và<br/>thiết bị</i> | <i>Phương tiện<br/>vận tải</i> | <i>Thiết bị<br/>văn phòng</i> | <i>Khác</i>   | <i>Tổng cộng</i> |
| <b>Nguyên giá:</b>              |                                     |                                |                                |                               |               |                  |
| Số đầu năm                      | 140.906.494.997                     | 24.707.699.137                 | 86.471.621.966                 | 4.156.020.015                 | 4.438.673.174 | 260.680.509.289  |
| Mua mới                         | 265.547.695                         | 4.982.706.221                  | 10.346.005.913                 | 246.915.366                   | 481.130.000   | 16.322.305.195   |
| Thanh lý, xóa sổ                | -                                   | (258.436.364)                  | (9.726.711.763)                | (82.000.000)                  | -             | (10.067.148.127) |
| Số cuối năm                     | 141.172.042.692                     | 29.431.968.994                 | 87.090.916.116                 | 4.320.935.381                 | 4.919.803.174 | 266.935.666.357  |
| <i>Trong đó:</i>                |                                     |                                |                                |                               |               |                  |
| <i>Đã khấu hao hết</i>          | 12.520.547.916                      | 8.399.003.392                  | 53.765.050.702                 | 4.074.020.015                 | 914.628.870   | 79.673.250.895   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b> |                                     |                                |                                |                               |               |                  |
| Số đầu năm                      | 55.420.401.925                      | 17.689.353.258                 | 72.385.079.722                 | 4.156.020.015                 | 3.254.421.350 | 152.905.276.270  |
| Khấu hao trong kỳ               | 10.337.130.118                      | 3.179.575.210                  | 4.646.564.372                  | 40.204.380                    | 691.867.683   | 18.895.341.763   |
| Thanh lý, xóa sổ                | -                                   | (258.436.364)                  | (9.726.711.763)                | (82.000.000)                  | -             | (10.067.148.127) |
| Số cuối năm                     | 65.757.532.043                      | 20.610.492.104                 | 67.304.932.331                 | 4.114.224.395                 | 3.946.289.033 | 161.733.469.906  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>         |                                     |                                |                                |                               |               |                  |
| Số đầu năm                      | 85.486.093.072                      | 7.018.345.879                  | 14.086.542.244                 | -                             | 1.184.251.824 | 107.775.233.019  |
| Số cuối năm                     | 75.414.510.649                      | 8.821.476.890                  | 19.785.983.785                 | 206.710.986                   | 973.514.141   | 105.202.196.451  |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                                |                          |                 | VND              |
|--------------------------------|--------------------------|-----------------|------------------|
|                                | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Phần mềm</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| <b>Nguyên giá:</b>             |                          |                 |                  |
| Số đầu năm                     | 62.134.736.039           | 5.134.183.613   | 67.268.919.652   |
| Mua mới                        | -                        | 996.652.000     | 996.652.000      |
| Chuyển từ bất động sản đầu tư  | 3.615.893.996            | -               | 3.615.893.996    |
| Thanh lý, xóa sổ               | -                        | (981.900.000)   | (981.900.000)    |
| Số cuối năm                    | 65.750.630.035           | 5.148.935.613   | 70.899.565.648   |
| <i>Trong đó:</i>               |                          |                 |                  |
| <i>Đã hao mòn hết</i>          | 395.656.844              | 4.331.163.500   | 4.726.820.344    |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b> |                          |                 |                  |
| Số đầu năm                     | 8.928.103.361            | 4.754.613.289   | 13.682.716.650   |
| Hao mòn trong năm              | 1.375.634.203            | 469.021.038     | 1.844.655.241    |
| Thanh lý, xóa sổ               | -                        | (981.900.000)   | (981.900.000)    |
| Số cuối năm                    | 10.303.737.564           | 4.241.734.327   | 14.545.471.891   |
| <b>Giá trị còn lại:</b>        |                          |                 |                  |
| Số đầu năm                     | 53.206.632.678           | 379.570.324     | 53.586.203.002   |
| Số cuối năm                    | 55.446.892.471           | 907.201.286     | 56.354.093.757   |

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

|                                     |                          |                               | VND              |
|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------|
|                                     | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| <b>Nguyên giá:</b>                  |                          |                               |                  |
| Số đầu năm                          | 12.160.895.500           | 19.555.738.511                | 31.716.634.011   |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (3.615.893.996)          | -                             | (3.615.893.996)  |
| Thanh lý                            | (452.760.004)            | -                             | (452.760.004)    |
| Số cuối năm                         | 8.092.241.500            | 19.555.738.511                | 27.647.980.011   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>      |                          |                               |                  |
| Số đầu năm                          | -                        | 11.266.526.056                | 11.266.526.056   |
| Hao mòn trong năm                   | -                        | 760.005.250                   | 760.005.250      |
| Số cuối năm                         | -                        | 12.026.531.306                | 12.026.531.306   |
| <b>Giá trị còn lại:</b>             |                          |                               |                  |
| Số đầu năm                          | 12.160.895.500           | 8.289.212.455                 | 20.450.107.955   |
| Số cuối năm                         | 8.092.241.500            | 7.529.207.205                 | 15.621.448.705   |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của quyền sử dụng đất, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị thực tế của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.



Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                             |                       | VND                  |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
|                             | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| <b>Ngắn hạn</b>             | <b>2.239.600.372</b>  | <b>1.647.549.113</b> |
| Công cụ, dụng cụ            | 832.592.255           | 609.524.972          |
| Chi phí sửa chữa và bảo trì | 725.312.883           | 517.578.017          |
| Phí bảo hiểm                | 487.210.990           | 326.871.799          |
| Thuê văn phòng              | 194.484.244           | 193.574.325          |
| <b>Dài hạn</b>              | <b>11.385.848.040</b> | <b>4.245.003.835</b> |
| Chi phí cải tạo văn phòng   | 6.255.933.148         | -                    |
| Công cụ, dụng cụ            | 4.627.668.188         | 4.196.493.195        |
| Khác                        | 502.246.704           | 48.510.640           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>13.625.448.412</b> | <b>5.892.552.948</b> |

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|                                                                 |                        | VND                    |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                 | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)                    | -                      | 11.162.600.000         |
| Đầu tư vào công ty liên doanh (Thuyết minh số 14.2)             | 179.514.814.098        | 179.514.814.098        |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)            | -                      | 2.249.390.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                | <b>179.514.814.098</b> | <b>192.926.804.098</b> |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 14.1 và 14.3) | -                      | (11.531.540.000)       |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                            | <b>179.514.814.098</b> | <b>181.395.264.098</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

| Tên công ty con                | Số cuối năm  |         |          |                 | Số đầu năm   |                |                  |                 | Địa điểm  | Ngành nghề kinh doanh                          |
|--------------------------------|--------------|---------|----------|-----------------|--------------|----------------|------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------|
|                                | Tỷ lệ sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị còn lại | Tỷ lệ sở hữu | Giá gốc        | Dự phòng         | Giá trị còn lại |           |                                                |
|                                | %            | VND     | VND      | VND             | %            | VND            | VND              | VND             |           |                                                |
| Công ty TNHH MTV VFC Cambo (*) | -            | -       | -        | -               | 100          | 11.162.600.000 | (11.162.600.000) | -               | Campuchia | Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng |

(\*) Vào ngày 21 tháng 10 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty TNHH MTV VFC Cambo cho một nhà đầu tư khác theo Thỏa thuận Mua Bán Cổ phần ngày 21 tháng 10 năm 2022. Theo đó Công ty TNHH Cambo V.F.C không còn là công ty con của công ty kể từ ngày này.



# Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

| Tên công ty liên doanh,<br>liên kết     | Số cuối năm     |                 |          |                 | Số đầu năm      |                 |          |                 | Địa điểm          | Ngành nghề<br>kinh doanh             |
|-----------------------------------------|-----------------|-----------------|----------|-----------------|-----------------|-----------------|----------|-----------------|-------------------|--------------------------------------|
|                                         | Tỷ lệ<br>sở hữu | Giá gốc         | Dự phòng | Giá trị còn lại | Tỷ lệ<br>sở hữu | Giá gốc         | Dự phòng | Giá trị còn lại |                   |                                      |
|                                         | %               | VND             | VND      | VND             | %               | VND             | VND      | VND             |                   |                                      |
| Công ty TNHH Hải Yến<br>("Hải Yến") (*) | (*)             | 179.514.814.098 | -        | 179.514.814.098 | (*)             | 179.514.814.098 | -        | 179.514.814.098 | Tỉnh<br>Khánh Hòa | Kinh doanh<br>nhà hàng,<br>khách sạn |

(\*) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp III ("Centrimex") để thành lập Công ty TNHH Hải Yến ("Hải yến") có trụ sở chính đăng ký tại số 50, đường Trần Phú, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Ngày 9 tháng 10 năm 2007, Centrimex được sáp nhập vào Công ty Thực phẩm Đầu tư Công nghệ ("Focovev"). Sau ngày sáp nhập, Focovev không đồng ý với tỷ lệ lợi ích của các bên đối tác liên doanh trong Hải Yến. Theo đó, Công ty đã khởi kiện Focovev ra Tòa án Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa ("Tòa án") để giải quyết tranh chấp này. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, việc tranh chấp này vẫn đang trong quá trình xử lý và Tòa án chưa đưa ra phán quyết sau cùng. Do đó, tại ngày lập báo cáo tài chính này, tỷ lệ lợi ích phù hợp của Công ty trong Hải Yến chưa được xác định một cách chính thức.

#### 14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                            | Số cuối năm          |         |          |                 | Số đầu năm           |               |               |                 | Địa điểm                    | Ngành nghề<br>kinh doanh                                 |
|--------------------------------------------|----------------------|---------|----------|-----------------|----------------------|---------------|---------------|-----------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------|
|                                            | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị còn lại | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá gốc       | Dự phòng      | Giá trị còn lại |                             |                                                          |
|                                            |                      | VND     | VND      | VND             |                      | VND           | VND           | VND             |                             |                                                          |
| Công ty Cổ phần Bảo vệ<br>Thực vật Sài Gòn | -                    | -       | -        | -               | 71.500               | 2.249.390.000 | (890.890.000) | 1.358.500.000   | Thành phố<br>Hồ Chí<br>Minh | Sản xuất thuốc trừ<br>sâu, mua bán hóa<br>chất, phân bón |

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                         | VND                    |                        |
|-----------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Công ty TNHH Syngenta Việt Nam          | 521.677.675.916        | 232.364.173.201        |
| Corteva Agriscience (Malaysia) SDN. BHD | 25.329.894.532         | 48.080.574.750         |
| Khác                                    | 154.215.977.438        | 120.446.918.109        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        | <b>701.223.547.886</b> | <b>400.891.666.060</b> |

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                      | VND                |                    |
|----------------------|--------------------|--------------------|
|                      | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| Công ty TNHH Sáu Gạo | 171.932.460        | -                  |
| Khác                 | 691.808.966        | 843.969.778        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>     | <b>863.741.426</b> | <b>843.969.778</b> |

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                            | VND                   |                        |                          |                       |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
|                            | Số đầu năm            | Tăng trong năm         | Giảm trong năm           | Số cuối năm           |
| Thuế giá trị gia tăng      | 144.124.831           | 233.107.239.685        | (232.847.878.041)        | 403.486.475           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.789.780.744        | 65.479.305.220         | (58.980.305.303)         | 18.288.780.661        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 2.501.816.616         | 13.778.284.562         | (10.655.448.968)         | 5.624.652.210         |
| Khác                       | 664.134.545           | 21.311.123.335         | (20.887.208.096)         | 1.088.049.784         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>15.099.856.736</b> | <b>326.713.341.887</b> | <b>(316.408.229.493)</b> | <b>25.404.969.130</b> |

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                     | VND                    |                        |
|---------------------|------------------------|------------------------|
|                     | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Chiết khấu bán hàng | 388.157.507.006        | 202.554.957.829        |
| Hoa hồng môi giới   | 5.792.816.407          | 6.970.204.177          |
| Chi phí lãi vay     | 2.330.763.236          | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>    | <b>396.281.086.649</b> | <b>209.525.162.006</b> |



Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

|                                                        | VND                    |                        |
|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                        | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>Ngắn hạn</b>                                        | <b>166.105.963.264</b> | <b>137.477.443.311</b> |
| Mượn tiền (*)                                          | 116.500.000.000        | 116.500.000.000        |
| Phải trả nhân viên (**)                                | 34.784.900.000         | -                      |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp | 508.370.167            | 3.489.798.565          |
| Cổ tức phải trả                                        | 3.480.048.000          | 2.540.168.000          |
| Khác                                                   | 10.832.645.097         | 14.947.476.746         |
| <b>Dài hạn</b>                                         | <b>2.311.062.676</b>   | <b>36.815.975.601</b>  |
| Phải trả nhân viên (**)                                | -                      | 34.784.900.000         |
| Nhận đặt cọc                                           | 2.311.062.676          | 2.031.075.601          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b>168.417.025.940</b> | <b>174.293.418.912</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                       |                        |                        |
| Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)             | 116.500.000.000        | 116.500.000.000        |
| Phải trả các bên khác                                  | 51.917.025.940         | 57.793.418.912         |

(\*) Đây là khoản tiền tạm thu hồi vốn hoạt động kinh doanh từ Hải Yến.

(\*\*) Đây là khoản tiền nhận huy động từ các cán bộ công nhân viên Công ty để đầu tư góp vốn vào Hải Yến.

19. VAY

|                           | VND        |                 |                   |                 |
|---------------------------|------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|                           | Số đầu năm | Vay trong năm   | Trả nợ gốc vay    | Số cuối năm     |
| Vay ngắn hạn từ ngân hàng | -          | 839.773.620.117 | (657.366.058.531) | 182.407.561.586 |

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng                     | Số cuối năm     | Kỳ hạn trả gốc                                          | Mục đích vay         | Lãi suất | Hình thức đảm bảo |
|-------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|----------------------|----------|-------------------|
|                               | VND             |                                                         |                      |          |                   |
| Ngân hàng TNHH HSBC (Vietnam) | 182.407.561.586 | Từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến ngày 16 tháng 2 năm 2023 | Bổ sung vốn lưu động | 5%       | Tín chấp          |

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

|                | VND              |                  |
|----------------|------------------|------------------|
|                | Số cuối năm      | Số đầu năm       |
| Số đầu năm     | 30.536.798.220   | 22.750.204.649   |
| Tăng trong năm | 26.588.690.681   | 20.664.947.257   |
| Giảm trong năm | (24.229.990.764) | (12.878.353.686) |
| Số cuối năm    | 32.895.498.137   | 30.536.798.220   |

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

|                                       | VND                    |                     |                          |                            |                                      |                          |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
|                                       | Vốn cổ phần            | Cổ phiếu quỹ        | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ khác<br>của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng                |
| <b>Năm trước</b>                      |                        |                     |                          |                            |                                      |                          |
| Số đầu năm                            | 320.888.640.000        | (20.000.000)        | 203.462.343.942          | 19.754.925.699             | 435.618.540.886                      | 979.704.450.527          |
| Lợi nhuận thuần trong năm             | -                      | -                   | -                        | -                          | 165.051.187.390                      | 165.051.187.390          |
| Cổ tức công bố                        | -                      | -                   | -                        | -                          | (96.260.592.000)                     | (96.260.592.000)         |
| Trích lập quỹ khen<br>thưởng phúc lợi | -                      | -                   | -                        | -                          | (30.548.540.477)                     | (30.548.540.477)         |
| Khác                                  | -                      | -                   | -                        | 1.001.328.553              | -                                    | 1.001.328.553            |
| Số cuối năm                           | <u>320.888.640.000</u> | <u>(20.000.000)</u> | <u>203.462.343.942</u>   | <u>20.756.254.252</u>      | <u>473.860.595.799</u>               | <u>1.018.947.833.993</u> |
| <b>Năm nay</b>                        |                        |                     |                          |                            |                                      |                          |
| Số đầu năm                            | 320.888.640.000        | (20.000.000)        | 203.462.343.942          | 20.756.254.252             | 473.860.595.799                      | 1.018.947.833.993        |
| Lợi nhuận thuần trong năm             | -                      | -                   | -                        | -                          | 229.164.235.398                      | 229.164.235.398          |
| Cổ tức bằng cổ phiếu (*)              | 96.257.500.000         | -                   | -                        | -                          | (96.257.500.000)                     | -                        |
| Cổ tức công bố (**)                   | -                      | -                   | -                        | -                          | (80.217.160.000)                     | (80.217.160.000)         |
| Trích lập quỹ khen<br>thưởng phúc lợi | -                      | -                   | -                        | -                          | (28.030.335.432)                     | (28.030.335.432)         |
| Khác                                  | -                      | -                   | -                        | (567.851.760)              | -                                    | (567.851.760)            |
| Số cuối năm                           | <u>417.146.140.000</u> | <u>(20.000.000)</u> | <u>203.462.343.942</u>   | <u>20.188.402.492</u>      | <u>498.519.835.765</u>               | <u>1.139.296.722.199</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

- (\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ-HDQT ngày 16 tháng 5 năm 2022, Công ty đã phát hành 9.625.750 cổ phiếu (10.000 VND/cổ phiếu) để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Số cổ phiếu phát hành này được đăng ký niêm yết theo Quyết định số 640/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực từ ngày 9 tháng 9 năm 2022. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 320.888.640.000 VND lên 417.146.140.000 VND theo GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 30 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29 tháng 9 năm 2022.
- (\*\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022, và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 19/NQ-HDQT/2022 ngày 4 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất thông qua việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2021 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương là 48.130.296.000 VND. Ngoài ra, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 26/NQ-HDQT/2022 ngày 19 tháng 7 năm 2022 đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương 32.086.864.000 VND.

**21.2 Các giao dịch về vốn với cổ đông**

|                                  | Năm nay         | VND<br>Năm trước |
|----------------------------------|-----------------|------------------|
| <b>Vốn cổ phần đã góp</b>        |                 |                  |
| Số đầu năm                       | 320.888.640.000 | 320.888.640.000  |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu        | 96.257.500.000  | -                |
| Số cuối năm                      | 417.146.140.000 | 320.888.640.000  |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b> |                 |                  |
| Cổ tức đã công bố                | 80.217.160.000  | 96.260.592.000   |
| Cổ tức đã trả trong năm          | 79.277.280.000  | 95.091.163.850   |

**21.3 Cổ phiếu**

|                                                     | Số lượng cổ phiếu |            |
|-----------------------------------------------------|-------------------|------------|
|                                                     | Số cuối năm       | Số đầu năm |
| <b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>                   | 41.714.614        | 32.088.864 |
| <b>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</b> |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông                                  | 41.714.614        | 32.088.864 |
| <b>Cổ phiếu quỹ</b>                                 |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông                                  | (2.000)           | (2.000)    |
| <b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>                       |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông                                  | 41.712.614        | 32.086.864 |

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.4 Lãi trên cổ phiếu**

|                                                                                                               | Năm nay          | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)                                  | 229.164.235.398  | 165.051.187.390              |
| Điều chỉnh giảm do trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)                                     | (28.735.634.570) | (21.993.073.898)             |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 200.428.600.828  | 143.058.113.492              |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu) (**)                                                | 41.712.614       | 41.712.614                   |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>                                                                                      |                  |                              |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                                                                       | 4.805            | 3.430                        |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                                                                     | 4.805            | 3.430                        |

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính năm 2021 để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 được tạm điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ từ lợi nhuận của năm 2022 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022.

(\*\*) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày lập báo cáo tài chính này.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                          | Năm nay                  | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|------------------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                    | <b>3.250.924.265.573</b> | <b>2.224.437.842.861</b>     |
| Trong đó:                                |                          |                              |
| Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm       | 2.753.512.480.680        | 1.779.815.184.994            |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ               | 485.222.567.673          | 434.767.127.125              |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê               | 12.189.217.220           | 9.855.530.742                |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>      | <b>(274.143.185.651)</b> | <b>(148.332.169.449)</b>     |
| Hàng bán bị trả lại                      | -                        | (13.533.119.741)             |
| Chiết khấu thương mại                    | (274.143.185.651)        | (134.799.049.708)            |
| <b>DOANH THU THUẦN</b>                   | <b>2.976.781.079.922</b> | <b>2.076.105.673.412</b>     |
| Trong đó:                                |                          |                              |
| Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm | 2.479.369.295.029        | 1.631.483.015.545            |
| Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ         | 485.222.567.673          | 434.767.127.125              |
| Doanh thu thuần dịch vụ cho thuê         | 12.189.217.220           | 9.855.530.742                |



Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                | VND                   |                       |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                | Năm nay               | Năm trước             |
| Lãi tiền gửi ngân hàng và các tổ chức tín dụng | 28.565.778.903        | 17.582.686.024        |
| Lãi chậm thanh toán                            | 21.998.370.311        | 16.612.374.235        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái                 | 5.602.756.653         | 1.494.050.924         |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                    | 121.550.000           | 50.050.000            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>56.288.455.867</b> | <b>35.739.161.183</b> |

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                                                     | VND                      |                          |
|-----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                     | Năm nay                  | Năm trước                |
| Giá vốn thành phẩm và hàng hóa                      | 1.986.236.928.812        | 1.295.423.973.446        |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp                            | 308.525.972.707          | 242.533.729.388          |
| Giá vốn dịch vụ cho thuê                            | 760.005.250              | 760.005.252              |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho | (28.863.457.152)         | 29.123.995.060           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>2.266.659.449.617</b> | <b>1.567.841.703.146</b> |

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                               | VND                   |                       |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                               | Năm nay               | Năm trước             |
| Chiết khấu thanh toán         | 23.172.496.000        | 23.413.333.554        |
| Chi phí lãi vay               | 9.626.305.429         | 5.494.574.217         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 4.657.232.876         | 968.718.877           |
| Khác                          | 163.523.375           | (521.950.000)         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>37.619.557.680</b> | <b>29.354.676.648</b> |

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                           | VND                    |                        |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
|                           | Năm nay                | Năm trước              |
| Chi phí nhân viên         | 227.512.294.526        | 139.651.969.481        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 58.735.595.807         | 36.193.341.341         |
| Chi phí quảng bá sản phẩm | 49.684.534.236         | 25.187.235.398         |
| Chi phí hoa hồng          | 42.015.097.665         | 62.796.235.642         |
| Chi phí khấu hao          | 5.365.966.520          | 4.340.163.542          |
| Chi phí khác              | 5.267.816.828          | 4.199.215.758          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>388.581.305.582</b> | <b>272.368.161.162</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                             |                       | VND                   |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                             | Năm nay               | Năm trước             |
| Chi phí nhân viên                           | 35.729.758.396        | 20.790.732.674        |
| (Hoàn nhập) dự phòng khoản phải thu khó đòi | (4.919.629.679)       | 2.541.584.635         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 4.200.210.700         | 1.180.751.759         |
| Chi phí khác                                | 19.524.848.135        | 14.187.194.617        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b>54.535.187.552</b> | <b>38.700.263.685</b> |

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

|                              |                        | VND                    |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
|                              | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Thu nhập khác</b>         | <b>5.300.472.688</b>   | <b>4.133.580.442</b>   |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản | 3.612.959.090          | 2.412.822.226          |
| Khác                         | 1.687.513.598          | 1.720.758.216          |
| <b>Chi phí khác</b>          | <b>(3.293.578.343)</b> | <b>(2.143.050.552)</b> |
| Các khoản phạt, bồi thường   | (1.067.722.783)        | (386.863.013)          |
| Khác                         | (2.225.855.560)        | (1.756.187.539)        |
| <b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>        | <b>2.006.894.345</b>   | <b>1.990.529.890</b>   |

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                                                      |                          | VND                      |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                                      | Năm nay                  | Năm trước                |
| Chi phí nguyên vật liệu                                              | 1.206.059.261.601        | 633.663.998.846          |
| Chi phí hàng hóa                                                     | 806.241.969.934          | 669.953.502.406          |
| Chi phí nhân viên                                                    | 392.876.830.757          | 275.146.542.437          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                            | 297.991.122.207          | 219.588.953.187          |
| Chi phí khấu hao và hao mòn                                          |                          |                          |
| (Thuyết minh số 10, 11 và 12)                                        | 21.500.002.254           | 20.262.918.370           |
| (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho và khoản phải thu khó đòi | (33.783.086.831)         | 28.210.643.492           |
| Chi phí khác                                                         | 38.994.514.517           | 26.943.181.382           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                     | <b>2.729.880.614.439</b> | <b>1.873.769.740.120</b> |

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty được quy định như sau:

- (i) Công ty: Thuế suất áp dụng là 20% thu nhập chịu thuế.
- (ii) Nhà máy Long An: Thuế suất áp dụng là 17% trong vòng 10 năm kể từ khi có doanh thu (năm 2017), miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 4 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (năm 2017).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



## Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 29.1 Thuế TNDN

|                             | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 58.516.694.305 | 40.519.372.454 |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                              | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>     | <b>287.680.929.703</b> | <b>205.570.559.844</b> |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty | 57.536.185.940         | 41.114.111.969         |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i>                 |                        |                        |
| Chi phí không được trừ                       | 1.616.582.401          | 6.370.020              |
| Chênh lệch về thuế suất thuế TNDN            | (611.764.036)          | (591.099.535)          |
| Thu nhập không tính thuế                     | (24.310.000)           | (10.010.000)           |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                     | <b>58.516.694.305</b>  | <b>40.519.372.454</b>  |

### 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau

| Bên liên quan                                     | Mối quan hệ                 |
|---------------------------------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Pan Farm                          | Công ty mẹ                  |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Pan            | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Hải Yến                              | Công ty liên doanh          |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây Trồng Việt Nam | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Cambo V.F.C                      | Công ty con trước đây       |

# Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| Bên liên quan                                     | Mối quan hệ                 | Nghiệp vụ        | VND           |           |
|---------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|---------------|-----------|
|                                                   |                             |                  | Năm nay       | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây Trồng Việt Nam | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 1.869.495.000 | -         |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

|                                        |                             |                  |             | VND            |
|----------------------------------------|-----------------------------|------------------|-------------|----------------|
| Bên liên quan                          | Mối quan hệ                 | Nghiệp vụ        | Số cuối năm | Số đầu năm     |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng       |                             |                  |             |                |
| Công ty TNHH MTV Cambo V.F.C           | Công ty con trước đây       | Bán hàng         | -           | 21.149.523.824 |
| Công ty TNHH Hải Yến                   | Công ty liên doanh          | Cung cấp dịch vụ | 28.512.000  | 52.822.000     |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Pan | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | -           | 10.780.000     |
| TỔNG CỘNG                              |                             |                  | 28.512.000  | 21.213.125.824 |

#### Phải trả ngắn hạn khác

|                      |                    |           |                 |                 |
|----------------------|--------------------|-----------|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Hải Yến | Công ty liên doanh | Mượn tiền | 116.500.000.000 | 116.500.000.000 |
|----------------------|--------------------|-----------|-----------------|-----------------|

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

| Tên                  | Chức vụ                               | VND                   |                       |
|----------------------|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                      |                                       | Thu nhập              |                       |
|                      |                                       | Năm nay               | Năm trước             |
| Nguyễn Bạch Tuyết    | Chủ tịch HĐQT                         | 4.219.865.000         | 4.316.612.000         |
| Trương Công Cử       | Thành viên HĐQT/<br>Tổng giám đốc     | 4.179.621.000         | 4.260.012.000         |
| Trần Văn Dũng        | Thành viên HĐQT/<br>Phó Tổng Giám đốc | 3.167.704.000         | 1.617.000.000         |
| Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên HĐQT                       | 629.540.000           | 746.000.000           |
| Nguyễn Thanh Tùng    | Thành viên HĐQT                       | 629.540.000           | 746.000.000           |
| Mai Tuấn Anh         | Thành viên HĐQT                       | 629.540.000           | 267.000.000           |
| Đào Xuân Trọng       | Phó Tổng Giám đốc                     | 1.651.175.000         | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>     |                                       | <b>15.106.985.000</b> | <b>11.952.624.000</b> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất, gia công, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược tại Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất, gia công, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược trên cùng một khu vực địa lý. Vì vậy, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Công ty là bên đi thuê**

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | VND                  |                      |
|------------------|----------------------|----------------------|
|                  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Dưới 1 năm       | 1.506.200.000        | 1.102.200.000        |
| Trên 1 – 5 năm   | 142.680.000          | 151.800.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>1.648.880.000</b> | <b>1.254.000.000</b> |

**Công ty là bên cho thuê**

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê được trình bày như sau:

|                  | VND                   |                      |
|------------------|-----------------------|----------------------|
|                  | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| Dưới 1 năm       | 10.177.382.923        | 4.715.381.165        |
| Trên 1 – 5 năm   | 10.408.340.528        | 2.213.453.792        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>20.585.723.451</b> | <b>6.928.834.957</b> |

**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Phạm Thị Ngọc Phương  
Người lập/ Kế toán trưởng



Trương Công Cứ  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2023



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Bạch Tuyết





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM**

**Địa chỉ:** 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (84 - 028) 3822 8097 - **Fax:** (84 - 028) 3829 0457

**Email:** [info@vfc.com.vn](mailto:info@vfc.com.vn)

**Website:** [www.vfc.com.vn](http://www.vfc.com.vn)